

TRỊ TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULMÉ-HANOI

Mục lục

- | | |
|---|------------------|
| * Một quyển sách Xã-hội Việt-nam | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Đại nam đặt sự (XXXVI) Ngô-vương-Quyền | Ứng-hòa |
| * Từ hơn năm mươi năm về trước... (I) | Tam-Gia |
| * Đáp ông Bế Lãng-Ngoạn | Hoa-Bằng |
| * Các nhà văn phải đề ý đến chính tả | Từ-ngọc |
| * Hội thuyến học Cần thơ (I) | Nguyễn-văn-Kiệt |
| * Qua đèo ngang | Việt-Lan (Ba-ri) |
| * Ba người thợ cần mẫn (I) | Lê-Thành |
| * Những ông nghề triều Lê (LXXXVI) | Ứng-hòa |
| * Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (LVIII) | Nguyễn-văn-Tổ |
| * An-Tư, tiền tâu yết (III) | Nguyễn-huy-tướng |

0 \$ 50



MỘT QUYỀN XÃ-HỘI VIỆT-NAM

Ưng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

Tạp chí Văn Mới số 34-35, ra ngày 25 tháng tư và tháng năm tây vừa rồi, có đăng quyền Xã-hội Việt-nam của ông Lương đức-thiệp, sách dày 432 trang theo khổ giấy thư ng, in trong tủ sách « Tân-văn-hóa ».

Mới đọc qua vài bốn chục trang trên, đã thấy nhàm lẫn nhều lẫn; tác giả lại hay lặp lại từ ngữ rồi làm tục nước mình!

Nơi trang 23 có câu: « Trong xã hội thị-tộc Mẫu-hệ, quyền gia-trưởng quy cả vào tay một người đàn bà có cả một bầy con khác bố sống chung dưới một nếp nhà. Người đàn bà được quyền chung chạ với nhiều người đàn ông (?) ». Ông thấy sách nào chép xã-hội ta ngày xưa như thế? Các nhà chuyên-khảo về xã-hội-học, như ông Jean Brunhes (làm bài *Ches les primitifs de l'Indochine centrale*), Ông Marcel Ner (làm bài *Am pays du droit maternel*) đều nói ở Đông-dương chỉ có vài tộc dân Mọi ở phía nam Trung-kỳ, như mọi Ra-dê, mọi Coorú, v. v., là theo chế-độ Mẫu-quyền, nhưng không nói « chung chạ » như ông Lương-đức Thiệp. Ở bán-tảo Mã-lai và mấy vùng xung-quanh cũng có dân theo chế-độ Mẫu-quyền, nhưng cũng không thấy chép « Người đàn bà được quyền chung chạ » (De Moubray, *Matriarchy in the Malay Peninsula and neighbouring countries*). Thế là không những sách ta sách Tàu, cả đến sách tây, cũng không có quyền nào chép xã-hội ta ngày xưa

như thế, chỉ có ông Lương dưng l'ép xem sách không hiểu, hoặc không biết so-sánh, nên mới bịa ra mà nói. Chính chữ mẫu-quyền, ông cũng không rõ nghĩa. Tự l' chỉ có ép có « dân thái-cổ » (*peuplades primitives*) cho dân-bà nhiều quyền hơn dân ông: gia-tai thì dân-bà được quyền chia chạ không phải dân ông, mà các con đều theo họ mẹ, chứ không theo họ bố, cuối co thế thôi, chứ không nói « người đàn bà được quyền chung chạ ». Chế-độ « nhất thê đ phu » ở Tây tạng mới có, mà dân Tây-tạng sở dĩ có phong-tục ấy, cũng vì hoàn-cảnh bất buộc, chứ không phải được quyền ». Phàm những phong-tục như thế, phải xem sách nào chép cẩn-thận mới rõ được, như sách của ông Robert Lowie (*Traité de sociologie primitive*), ông Lucien Lévy-Bruhl (*Mentalité primitive*, v. v.).

Đã không hiểu mẫu-quyền là gì, mà dám nói người đàn bà ta ngày xưa « được quyền chung chạ »! Đối với các bậc anh-hùng cả nước tôn-sùng cũng nói nhiều câu càn-rõ như thế! Trang 42, tác-giả nói rằng: « Như ngọn lửa, trước khi tắt-bắt, còn bùng lên một lần chót, những lực lượng đang tàn của thị-tộc mẫu-hệ Việt-nam vùng dãy đê kết tinh (1) trong hai người đàn bà, hai lực lượng còn sót của chế-độ mẫu-hệ đa-nghiêng lay đến tận nền tảng: Trưng-Trắc và Trưng-Nhị ». Tác-giả xem ở sách nào mà nói bậy đến như thế? Các Sử đều chép Hai bà là

con gái quan Lạc-tướng Mỹ-linh. Bà Trưng-Trắc lấy chồng là ông Thi-Sách, là con quan Lạc-tướng Chu-diên. Thù-sử Giao-chỉ bấy giờ là Tô-Định, làm người tham bạo, nên Hai bà khởi binh đánh đuổi về Tàu, lấy lại Lĩnh-nam, tự lập làm vua. Được ba năm, bên Tân sai Mã-Viện sang đánh, Hai bà thua lui về Cấm-kê, rồi mất dân ta cảm công đức lập đền thờ. Các nhà làm sử từ xưa đến nay đều khen Hai bà là bậc anh-tung khởi xướng lên quyền tự-chủ cho nước ta, tuy là thời-thế không gặp, hưởng nước không được bao lâu, nhưng đến lòng khởi nghĩa thì thật là những vị Nguyên-soái dựợc là cờ đầu trên nền độc-lập. Họ có nề-nhà làng thờ, mấy năm trước đã lấy ngày giỗ làm ngày kỷ-niệm cho cả nước. Thế mà tác-giả dám nói Hai Bà là ngọn lửa mẫu-hệ đã gần tàn, và lại nói Mẫu-hệ có « quyền chung chạ với nhiều người đàn ông »! Nói bậy đến thế mà có người đem ra in, thì lạ thật!

Không những chép Hai Bà Trưng, chép cả Bà Triệu nữa, như trang 46 có câu: « Lần này lại cũng như lần trước, cuộc nổi loạn-nhống lại người Tàu, cũng lại do một người đàn bà chỉ huy. Triệu-Âu, một đại biểu và một viên kiện trưởng cuối cùng của chế-độ thị-tộc Mẫu-hệ Việt-nam (?), đã chết (1) đổ hẳn dưới kinh tế nông-nghệp đã tới thời toàn-thịnh. »

Có phải là càn-rõ không? Các sử đều chép Bà Triệu là người quận Cửu-châu, thấy

dân ta bị người Tàu áp-chế nên nổi lên đề, đánh lại, cũng mong theo gương Hai Bà Trưng để cứu dân ra khỏi vòng lao lộng; gần đến lúc mất, dân cũng lập đền thờ. Sử-thần thường khen Bà Triệu là Bà Trưng thứ hai. Thế mà tác-giả dám nói Bà Triệu là đại-biêu, là kiệu tượng của chế độ Mâu-hệ Việt nam! Thật là bậy bạ hết sức!

Chép chuyện đã không đúng, ý nghĩ lại thiên lệch, có lẽ chưa người nào viết những câu như thế, mà dám nhận là « khảo » với « luận »! Lại còn một điều này nữa: phạm chép chuyện đàn bà, con gái, cần phải kiêng-kị những chữ « bệnh tự » như trong chuyện Bà Trưng của ông Thiệp có câu « Kết tinh trong hai người đàn bà » và chữ « lực lượng ». trong chuyện Bà Triệu có chữ « chủ » v. v., đều là những chữ đã là người biết cầm bút thì không ai viết vào chuyện đàn-bà.

Những câu cũng đủ biết nội-dung quyển *Xã hội Việt nam*; đáng lẽ không phải nói-nữa, nhưng vì phiên chỗ sai quá, mà toàn là chỗ quan-hệ, nên phải chữa mấy câu nữa làm thí-dụ như trang 29 có câu: « Không hiệu nghiệm do mọi hiện tượng, không nhận được mối tương quan, giữa các lực lượng thiên nhiên tác động ra sao, người Việt nam xưa chỉ còn biết cầu hòa, lay lắt hay van lơn, cũng như họ (l) đã lay lắt và van lơn viên tù trưởng khi họ (l) nhờ phạm vào điều cấm kỵ của bộ lạc, hay

Thông chế Pétain đã nói:

Thất bại trong những trận giao tranh oanh liệt và đứng một mình trước số mệnh khắt khe, nước Pháp ở trong những trường hợp ấy đã tự kiểm lấy lý do để tăng lòng quả cảm và gìn giữ sự tin tưởng ở tương lai

quỳ lạy trước kẻ đã chiến thắng họ!) ». Ai xem cũng phải bảo ông Lương đưc Thiệp là người nước khác, chứ không phải người nước ta; nếu không thế sao lại gọi người đời xưa là « họ »? Còn về sự « lay lắt và van lơn » thì không cứ ở đâu, nước nào cũng có tục ấy: Khi cầu nguyện thần thánh việc gì, cũng có quỳ có lạy; tục-ngữ ta thường nói: « Có sự thì lạy tứ phương, vô sự đồng tương không mất », đó là thông tục cả thiên hạ, chứ có phải riêng một dân nào.

Ai đọc đoạn sách của ông Thiệp cũng phải cho rằng ta này xưa lên lắm.

Tác-giả lấy ở đâu mà bảo dân ta thấy người thắng trận thì lạy van? Không nói đến chuyện Bà Trưng, Bà Triệu vừa mới kể, về sau có ông Trần-bình-Trọng đời Trần, bị người Nguyên bắt được, dù mãi không chịu hàng, khi người Tàu sắp giết ông còn nói: « Tôi làm quý nước Nam, còn hơn làm vua nước Tàu », — lại ông Lê-

Quỳnh theo vua Chiêu-thông sang Tàu, người Tàu lừa ông cắt tóc, Ông còn nói rằng: « Đầu có thể đứt, tóc không thể cắt được »! Xem những chuyện ấy thì ai là « người quỳ lạy trước kẻ chiến-thắng »?

Đàn chổ dẫn mấy tên người Tàu đời xưa (Sơ sai. Như trang 33, ông nói « Tam Hoàng và Tứ Đế », trứ Đế Thuận có cha là Cỗ Tài, đều không biết cha là ai, phải theo họ mẹ. Dở quyển *Thiếu-vị thông-giam*, tức ta gọi là *Sử lược*), trẻ con ngày xưa vẫn học, thì thấy chép: Hoàng-đế là con vua nước Hữu-lùng, tức là nước Cửu-hầu đời bấy giờ « Ngũ đế ngoại-kỷ, tờ 26 b), Chuyên-húc họ Cờ, ông nội là Hoàng-đế, cha là Xương-ý (Ngũ-đế ngoại-kỷ, tờ 32b), Đế-Cốc họ Cờ ông nội là Thiếu-hiếu, cha là Kêu-cực (tờ 34a), Đế-Nghiêu là con Đế Cỗ (tờ 38a), bốn ông vua đều có ông có cha, thế-hộ rõ ràng tác-giả căn cứ vào đâu mà bảo bốn ông vua ấy không có cha?

Đấy là nói về sách Tàu, đến sách Tây tác-giả cũng nhầm như thế ở trang 27 có câu: « Tiểu-cá h sinh hoạt này, phải sinh ra chế độ tổ tem, lấy một con thú, một thứ cây (?) một dụng cụ (?) làm biểu-hiệu chung cho cả đoàn thể ». Dở tự-vị ra xem, thì tự-vị nào cũng chua nghĩa tổ tem là « vật tổ sùng-bái » chứ không phải thứ cây và dụng-cụ: các đồ vật ấy đã có tên riêng là « vật vật giáo » (fetichisme); tác-giả không xem sách tôn-gáo, chỉ tra tự-vị tiện lẫn chữ « vật-đồ sùng-bái » với chữ « vật-vật giáo » chứ có biết đâu là ai

Xem tiếp trang 17)

ĐẠI-NAM ĐẤT-SỰ

Số 35

Ứng-hòa NGUYỄN VĂN-TỔ

XXVIII — Ngô vương Quyền (bài nối)

Cập: ngoài đã dẹp yên, trong nước không thể không có vua. Bậc đại anh-hùng giết Công-Tiến, đánh Hoàng Tháo, là Ngô Quyền, lúc bấy giờ đã muốn lui về nghỉ ngơi một chỗ cũng không thể được, nên mới xưng vương, đặt kinh đô ở Cổ Lũy (tức là Kinh-dô cũ của Triệu An-dương vương). Lập họ Dương làm hậu, (họ Dương tức là con gái Dương đình-Nghệ) đặt trăm quan, chế ra nghị-tiết trong triều, định việc phục-sắc: các việc làm vào năm kỷ-lợi 939.

Đến năm 944. Ngô-vương Quyền mất, là vua được sáu năm.

Sử-ti-ên Ngô sĩ-Liên khen rằng: « Ngô-Quyền sở dĩ dấy lên vương-nghiệp, không những chỉ có công chiến thắng mà thôi; vậy như việc đặt trăm quan, chế ra nghị-tiết chốn triều-dình, định việc phục-sắc, thì cái quy-mô để vương, cũng đã gần đủ, thế mà bường nước chưa lâu cho nên chưa thấy hiệu quả chấp-trị, đáng tiếc thay! »

Sử thần Ngô-thời-Sĩ có bài tán rằng: « Ngô-vương giết nội-tạ: (giặc trong nhà họ) trong nước) để phục thù cho chủ, giết ngoại-dịch (giặc ở ngoài đến) để thư nạn nước; dựng nước; đem lại chính-thống, công-nghiệp rõ rệt. » (Khâm định Việt sử, tiền biên, q 5, tờ 20 a và 21 a).

Ngô vương Quyền trên nối nghiệp Đổng-bàng, dưới mở nền cho Đinh, Lê, thực là một bậc anh

kiệt « quang-liền-dụ-hậu » của nước Việt ta, dẫu có việc giữ con nhỏ cho em vợ, thì đối với câu « tri nhân tắc triết » Bậc người là bậc minh triết » thực là khó thay!

Nguyên khi Ngô-vương-Quyền bệnh nặng, di chúc cho em vợ là Dương tam Kha (con gái Dương đình-Nghệ) phụ chính con mình là Ngô-xương-Ngập: đến khi Ngô-Vương mất, Tam-Kha cướp ngôi, tiếm xưng là Bình-Vương. Ngô-xương-Ngập sợ bị tai-họa, chạy đến Nam-sách giang (nay phủ Nam-sách) trọ ở nhà Phạm-lệnh-công (cụ thân của Ngô-Quyền) ở Trà-hương (nay là huyện Kim-thành). Tam-Kha lấy con thứ hai Ngô-vương là Ngô-xương Văn làm con mình, còn các con thứ là Nam-Hưng-Kiên-Hưng hầu còn bé, đều theo Dương quốc Mậu, được ít lâu Tam-Kha sai chỉ huy sử Dương-cát-Lợi Đỗ cảnh-Thạc đem binh đến nhà Phạm-lệnh-công để bắt xương-Ngập. ba lần đều trở về nói là không được. Lệnh-công sợ, giấu Xương-ngập ở trong sào-dộng, Tam-Kha biết, lại sai người đi bắt như trước, kết cuộc vẫn không được (K. đ. tiền biên, q. 5, tờ 21 a và b, và Đ. V. S. K. tiền biên, q. 7, tờ 7 b).

Lúc bấy giờ có thôn Thái-bình ở châu Phong, không chịu phục những công việc của Dương Tam-Kha, Tam-Kha sai Xương Văn và hai tướng họ Dương họ Đỗ đem quân đánh hai thôn Thái-bình và Đường-nguyên, quân đi đến Từ-

liêm, Xương Văn thông thả bảo hai tướng rằng: « Đức của tiên vương thấm khắp lòng dân, phạm chính-lệnh của tiên-vương ta ban ra, chẳng ai là chẳng vui theo, nay không may bỏ quần thần (tức là chết). Bình-vương, làm điều bất nghĩa, dám cướp ngôi của anh em ta, thật là tội lớn! Nay lại sai bọn ta đi đánh những làng không có tội, may mà được thì đã đánh, nếu không được, thì làm sao? ». Hai tướng nói rằng: « Cúi theo mệnh lệnh của vua », Xương-Văn nói: « Ta muốn đem quân trở về đánh úp Bình-vương, để đem lại cơ nghiệp của tiên-vương, nên không? ». Hai tướng đều khen mưu ấy là phải, rồi đem quân trở về đánh úp Tam-Kha; quân chúng muốn giết chết; Xương-Văn nói: « Bình-vương đối với ta có ân không nỡ gia-hình, bèn giả đóng làm Trương dương công (sở dĩ đặt Trương dương là vì có bến đò Chơng-dương, huyện Thượng-phước, phủ Thường-lin, tỉnh Hà-dông) nhà cho thực-ấp (ấp ăn lộc) ở vùng ấy. Tam-Kha tiếm ngôi từ năm 945 đến năm 951, sáu năm.

Thế là từ năm tân-hợi (951), Xương-Văn lấy lại được ngôi vương; xưng Nam Tấn-vương tức là Hạp Ngò, sai sứ đón anh là Xương-Ngập ở Trà-hương về kinh-sư cùng coi việc nước; Xương-Ngập xưng Thiên-sách-vương (K. đ. tiền biên, q. 5, tờ 23a và b, và Đại-Việt sử-ký tiền biên, q. 7, tờ 10a và b).

* *

Thử sử về cuối đời
Tam quốc

Nhà có mục Đại-Nam-dất-sử, nhờ bị nạn hỏa-hoại muốn làm một cái bảng kê tên các quan Tầu

sang cai trị nước ta trong thời Bắc-thuộc, viết thư hỏi tôi về tên mấy ông thư sử và thái-thủ.

Lại gần đây, ông Nguyễn Văn Vân làm ở tòa sử Tuyên-quang muốn biết rõ Đào Uy có phải là con Đào-Hoành không. « Tại trong sử chữ như chép Đào-Hoành làm quan 30 năm; Đào-Hoành chết, Ngô Ngạn thay, làm được 25 năm thì Cổ-Bì sang thay; Bì chết, con là Cổ Sâm nối; Sâm chết, em là Thọ muốn làm, thuộc-cuống ở Giao-châu là Lương-Thục lại đón con Đào-Hoành là Đào-Uy làm thư-sử: có lẽ Đào-Uy đã già làm thì phải. » Nay xem lại sách nhỏ như sau này: Nhà Ngô cho Đào-Hoành làm thái-thủ quận Thương-Ngô tháng 11 năm kỷ-sửu, 269, tức là năm thứ 1 hiệu kiến-hành của Tôn-Hạo, năm-thứ 5 hiệu Thái-thủy của Tư-mã Viêm) (*Khâm-định Việt sử tiền biên*, q. 3 tờ 12a; *Đại-Việt sử-ký tiền biên*, q. 4, tờ 7b và *Tấn thư*, q. 57, tờ 4a).

Đến năm thứ 3 hiệu Kiến-hành (271) vua Ngô thăng cho Đào-Hoành làm thư-sử châu Giao (*K.đ. tiền-biên*, q. 3, tờ 14a; *Đại-Việt sử-ký tiền biên*, q. 4, tờ 10a và *Tấn thư*, q. 57, tờ 4a).

Năm thứ 1 hiệu Thái-khang nhà Tấn (280) Đào-Hoành hàng theo nhà Tấn (*K.đ. q. 3, tờ 15b, Đại-Việt sử-ký*, q. 4, tờ 10b và *Tấn thư*, q. 57, tờ 4b).

Cáo sử ta đều chép « Đào-Hoành ở châu 30 năm » (tại châu tam thập niên), thế là tính từ năm Đào-Hoành làm thư-sử (271) đến năm 301. Nhưng *Tấn-thư* (q. 57, tờ 5a) chép: « ở phía nam 30 năm » (tại nam tam thập niên). Thế thì phải tính từ năm Đào

Hoành sang làm thái-thủ Thương-Ngô (269) (tức là ở nam) mới đúng. Vậy thì đến năm 299 là 30 năm.

Sử ta sử đều chép rằng: « Đào-Hoành mất, Tấn vũ-đế cho chức viên-ngự-lang tảo-ký thường-thị là Ngô-Ngạn làm thư-sử (*K.đ.*, tờ 46b, *Đại Việt sử-ký*, q. 4, tờ 11b và *Tấn thư*, q. 57, tờ 5a và 6a)

Các sử ta như *Khâm-định* q. 3, tờ 17a), *Sử ký tiền biên* (q. 4, tờ 11b), *Sử ký toàn-thư* (q. 4, tờ 7a), đều chép: « Ngô-Ngạn làm quan hai mươi nhăm năm, ăn-oát rõ-rệt, trong châu được yên, tự dâng biểu xin người sang thay, Vua Tào cho Cổ-Bì sang thay. Xem đến sử Tào như *Tấn thư* (q. 57, tờ 6a) thì chép: « ở chỗ làm quan hơn hai mươi năm, trong châu yên ổn ». Thế là hơn hai mươi năm, chứ không phải hai mươi nhăm năm.

Sử ta như *Sử ký tiền biên* (q. 4, tờ 11b), *Sử ký toàn-thư* (q. 4, tờ 7a) đều chép « Cổ-Bì là người thuần nhả, cả châu yên mến, không được bao lâu Cổ-Bì mất (1 kỷ, tức); người trong châu ép con Cổ-Bì là Cổ Sâm làm việc châu Giao, Sâm hiền mất (Sâm làm tốt). Em Cổ-Sâm là Cổ-Thọ lĩnh việc châu Giao, người trong châu không nghe. Thuộc tướng là Lương-Thục cũng muốn làm, sợ dân không nghe, bèn đón Đào Uy là con Đào-Hoành đang làm thái-thủ châu Thương-ngô.

Cứ như vậy thì Đào Uy là con Đào-Hoành cũng chưa lấy gì làm già, cho là Đào Uy sinh từ năm Đào-Hoành mới sang nam, thì Đào-Hoành 30 năm, Ngô-Ngạn hơn hai mươi năm, tức là hơn 50 năm,

còn Cổ-Bì thì chưa được bao lâu, Cổ-Sâm thì mất ngay thì cho mỗi người hơn một năm nữa, thì Đào Uy cũng độ hơn 53 tuổi. Huống chỉ ngày xưa bốn mươi tuổi mới ra làm quan, vậy thì hơn năm mươi tuổi đã lấy gì làm già, và lại xét ở dưới này, Đào-Hoành làm quan chỉ có hai mươi năm; thế thì Đào Uy mới hơn 43 tuổi.

Ông Nguyễn Văn Vân lại hỏi câu này nữa: « Lương-thục đã đón Đào-Uy, sao lại còn tự lập làm thư-sử? — Đào-Khẩn đã sang làm thư-sử, sao lại còn những viên thư-sử. Đào-Uy, Đào-Thục, Đào-Tuy? »

Đoạn sử này thật là rắc rối, vì cứ kể ngay từ ngày Đào-Hoành làm thái-thủ Thương-ngô là năm 269, ở Nam 30 năm, tức ra đến năm 299 Đào-Hoành mới mất. Sử chép khi Hoành mất thì Vũ-đế nhà Tấn cho Ngô-Ngạn thay, Nay xem đến năm 299 không phải là Vũ-đế, Vũ-đế chỉ đến năm 289 là hết. Thế thì Đào-Hoành chỉ làm thư-sử châu Giao đến năm 289, tức là 20 năm. Nếu thật Đào-Hoành 20 năm, tức là năm 299 hết Đào-Hoành, Ngô-Ngạn từ năm 299 đến 319. Thế mà năm 318 đã chép chuyện nhà Ngô sai Đào-Khẩn làm thư-sử châu Giao. Không có lẽ một lúc mà hai chức thư-sử, nên theo thuyết: Hoành ở Nam 20 năm, Ngô-Ngạn hơn 20 năm, tức là năm 309 đã hết đời Ngô-Ngạn, Cổ-Bì Cổ-Sâm độ 3 năm nữa, là đến năm 312, từ năm 312 đến năm 319 có Đào-Khẩn, 7 năm ấy thì Đào-Uy 3 năm, còn 4 năm về Đào-Thục, Đào-Tuy thì vừa phải,

Các sử ta đều chép Đào-Uy làm quan 30 năm, xem *Tấn-thư* (Tiếp theo trang 21)

Giới thiệu ngoại văn

TỪ HƠN NĂM MU'ƠI NĂM VỀ TRƯỚC, một người đã tiên-tri về thế giới bây giờ và thế-giới mai sau

TAM-GIA

Trước cuộc đại chiến đang gieo bao nhiêu thảm-khốc, đến nỗi lòng người se lại mà lương-tâm người cũng ngộp-ngừng. ai người chúng ta cũng muốn chong lại trông thấy ngày thanh-bình. Ngoài những nhà cầm đầu các nước dự chiến, những bậc đại-tri, là những người hoặc có tài-liệu, hoặc có sáng suốt để biết trước cuộc chiến tranh sẽ đến đâu, phần đông chỉ có một câu hỏi đem lẫn đi lẫn lại trong đầu: chiến-tranh bao giờ kết-hết? Thế giới sẽ ra sao? Có nhiều mình hỏi mà không ai trả lời được bắt đầu từ mình. Thế rồi người ta moi ra bằng hết những câu sấm trong đồng bùa thời gian, nào của Nostradamus, nào của Trang Trình, nào trong Kim tự-tháp, nào trong Thánh-kính của Cơ-đốc-giáo. Người dị đoan tin; người không dị đoan cũng chăm chú nghe, cũng để tâm chiêm nghiệm. Dưới đây, tôi cũng xin gộp mấy lời tiên-tri của dân Mông-cô truyền từ ngoài năm mươi năm nay, và biên thuật theo quyển « Bêtes, Hommes et Dieux » của Fernand Ossendowski.

Năm giữa lòng châu Á, từ những sườn núi đầy tuyết ở dãy Tian-chan, từ những dải cát hồng rậm ở xứ Dzoungarie đến những rừng um-lùm trên đỉnh dãy Cagan, và đến vạn lý-trường-thành, xứ Mông-cô là quê hương của biết bao người đi chinh phục, của các vị cao tăng, của những hung-thần, của những thầy bói, thầy số, nên cũng là xứ sở của Quái-dân và Bí-mật.

Đối với lời tiên-tri ấy, xin các bạn chỉ dành cho một giá trị tương-đối thời, cái giá trị một câu sấm. Nhưng thiết tưởng ta nên suy nghĩ về sự tin tưởng của dân Mông-cô. Cả sự tin tưởng của họ chỉ là một không tưởng. Ferdinand Ossendowski từng đã hỏi người du các giới ở Mông-cô, từ bác mã-phu đến nhà cầm quyền, qua các Lạt-ma và hoạt-phật. Đầu đầu người ta cũng kể cho ông nghe với một giọng khiến người nghe không dám để lộ chút hoài nghi. Nghĩa là sự tin rằng có một nước, có một quốc vương ở dưới đất sẽ làm bá chủ vũ trụ, đã trở nên một thực tại có ảnh hưởng ra ngoài lĩnh vực tôn giáo. Sự tin tưởng ấy sẽ, có thể là một nguyên-động lực để đưa cả các bộ lạc của trang lăm Á châu trở sang miền này. Trong đoạn chót cuốn kỷ ức « Bêtes, Hommes et Dieux », tác giả, tưởng như trông thấy cờ của Thành Cát tư hãn cùng vô vàn chiến sĩ rầm rộ trong cuộc Tây tiến, đã viết: « Có lẽ Luân hồi đã mở một trang mới trong lịch sử. Mà rồi sẽ ra sao nếu họ tin tưởng rằng Chúa sẽ thế giới sẽ cùng đi với họ? ».

T. G.

Toàn-thể dân Mông-cô tin rằng có một nước ngầm dưới đất, nước Agharti, và ở dưới nước ấy, cũng là chúa tể muôn loài, cao-cường pháp-thuật, cầm vận-mệnh các dân-tộc trong tay.

I. — Nước Agharti

Cách đây hơn sáu nghìn năm, một thánh nhân sáng cả một bộ-lạc chuôi xuống đất biến mất và chưa hề tái-hồi nhân-gian. Trái lại họ ở dưới ấy, lập thành một nước, dân Mông-cô gọi là nước Agharti.

Nước ấy ở chỗ nào? Nhiều người đã từng đến thăm, nào

Thích-ca mâu-ni, vào mấy vị Lạt-ma danh-tiếng ở Mông-cô như Pazpa, sáng-lập ra Hoàng-giáo, nào Undur-Geghen, vị Phật sống đầu tiên của Mông-cô. Dù vậy, chưa ai biết nơi ấy là đâu. Kể thì bảo ở A-phu-hân, kể lại rằng ở Ấn-độ. Thán-vương Choultoun Beyli, tỉnh-trưởng tỉnh Ouliasoutai (Mông-cô), cũng là một nhà ái-quốc nổi danh của Mông-cô trong bối cướp lại nền độc-lập vào khoảng năm 1920-1921, hỏi rằng nước Agharti gồm khắp các đường ngầm của tất cả thế-giới. Một Lạt-ma thông-

thái người Trung-hoa cho những động những hang ở châu Mỹ đều gồm vào lĩnh-thổ của dân-tộc xưa đã biến vào lòng quả đất, hiện nay trên mặt đất còn di-tích.

Có người bảo lối vào ở quanh hồ Negan Kul (Mông-cô). Do đường ấy, một người đi săn, ngày xưa, đã vào đến nước Agharti; lúc trở về dương-thế, bản kể lại những điều mắt đã thấy. Cát Lạt-ma liền cắt lưỡi hân, cho khỏi tiết-lộ điều bí-mật nhất trong các bí-mật. Dù vậy, kỷ-ức đã ghi sâu cuộc hành-trình đã huyền-khoái tâm lòng du-

mục, nên tới lúc văn-niên hẳn lẫn lại lối xưa mà biến mất.

Nhưng, những chi-liết khác, không thuộc về vị-trí, của nước Agharti, người ta lại rõ lắm. Đó là một nước lớn, dân số hàng bao nhiêu triệu. Người nước đó không biết ác là gì mà tội-lỗi cũng không có trong nội-dịa; họ yên vui sống ngoài vòng diệt-lệt. Các hang, các động đều có một ánh sáng riêng nhờ đây cốc-loại, cây cỏ mọc được, và mọi người sống lâu, không bệnh tật. Dân gồm nhiều giống, nhiều bộ-lạc. Có lần một cao-tăng ở nước Népal, y lời Phật truyền, sang thăm nước Tiêm-la; ngài đang đi, bỗng gặp một ngư-phủ ra lệnh cho ngài xuống thuyền rồi cả hai cùng ra khơi. Thuyền đi được ba ngày thì đến một hòn đảo quái-dị: thổ-dân là một giống người có hai vó, có thể cùng một lúc nói nhiều thứ tiếng khác nhau. Họ chỉ cho xem những con vật cũng phi-thường: rùa mười sáu chân và một mắt; rắn cực to ăn thịt được mà lại ngon; chim có răng, biết bắt cá cho chủ. Họ nhận vốn người nước Agharti, đoán lại tả cảnh một vài vùng.

Kinh-đô Agharti ở giữa những thị-trấn mà dân-cư là các đại-hòa-thượng và các nhà bác-học, y như cung Petala của Đạt-lai Lạt-ma ở Lhassa (Tây-tạng) xây trên đỉnh một ngọn núi đầy-dào đèn-đài, tinh xá.

Trong nước Agharti, có hai giai-cấp tài giỏi nhất. Trước hết là giai-cấp các vị Panditas, có hai triệu người. Các vị này tức là những thần giảng thế, ngụ hầu quanh chúa-tể Thế-giới. Sau là giai-cấp các Goros.

Các vị Goros nắm trong tay hết thấy những sức mạnh huyền-hạ và vô-bình của nhân-gian, của âm-phủ, của thiên-dinh. Cố-nhiên là thừa-định-đoạt cái sống cái chết của con người. Giả-sử nhân-loại liên-cuồng tương-tan tương-sát trong cuộc chiến tranh, các vị Goros có thể hóa phép cho cõi đất này nở tung biển làm bãi sa-mạc diệt-mùng. Chỉ một lời hô của một Goro, cây cỏ, bụi tức khắc mọc, người già yếu biến thành trai khỏe mạnh, người chết hoàn sống. Các vị Goros dùng những kiểu xe kỳ-dị, người trần không biết băng băng, phồng trong những đường lối chật hẹp trong quả đất. Một vài thầy tu ở Ấn-độ và trong số các Đạt-lai Lạt-ma ở Tây-tạng có vị từng đã được đi đến những núi đá chưa hề có chân người đặt, và nhận thấy có chữ khắc vào đó, có vết chân in trên tuyết, có vết bánh xe qua.

Còn các vị Panditas chuyên khảo-cứu về thế-giới và các sức mạnh trong thế-giới. Đôi khi những bậc thông-thái nhất trong họ cùng nhau họp rồi phái đại-biểu đến một nơi con mắt phàm trần chưa thấu tới. Những Panditas cao cấp thì hợp lực với các vị Goros để tuyển người sai phái chọn trong số những hòa-thượng trẻ nhất. Các ngài một tay đề lên mắt họ, một tay đặt vào bên trên gáy họ, thôi miên cho họ ngủ, đoạn lấy nước lá rửa thân-thể họ khiến họ không biết đau-dớn là gì, biến họ rắn như đá, lấy vài phép bỏ lấy họ rồi các ngài tụng kinh cầu Thượng-đế, những hòa-thượng trẻ, tuy rắn như đá, nằm dờ ra đấy, nhưng mắt vẫn mở, tai vẫn chăm chú, nên họ trông thấy, nghe thấy mà nhớ hết. Đến đây công việc của ngài

Pandita xong, một Goro lại gần, nhìn vào người thụ-cảm thật lâu. Dần dần người thụ-cảm ngóc dậy rồi biến mất: thế là đã có một người thừa hành trong khắp thế-giới. Tuy đi xa mà vẫn có những dây vô-bình liên-lạc với ý muốn của ngài Goro. Cho nên các ngài cứ việc ngồi, mắt nhìn vào đâu là họ đi đấy. Trong số những tay sai ấy, có người đi khắp các tỉnh tứ bề quản sát các việc xảy ra, các dân tộc vị-trí, đời sống và luật-lệ nơi đấy. Họ nghe người ta nói chuyện, đọc các sách, biết trước mệnh-vận, tai-biến.... Có người nhập vào lửa, xem lửa hăng hái và hung. Dữ nung những kim-khí trong ruột các hành-tinh, đun sôi nước ở các phun-tuyền và nhiệt-tuyền, nấu chảy các đá núi để trút xuống mặt đất. Có người chạy theo các nguyên-lử của không-khí để thấu hết những bí-mật và mục-dịch sống của chúng. Có người lách xuống đáy bể thăm dò nhận xét song, giò cũng các loài thủy-tộc

II. — Chúa-tể Thế-giới

Nhưng trên cả các vị Panditas và các vị Goros, thống-trị tám trăm triệu người sản-sàng theo mình, là Brahytma, « Vạn vương chi vương », Chúa-tể Thế-giới.

Lúc nào ngài cũng tàng-bình; ngài ngự trong một toà lâu bằng pha-lê rất kỳ-tuyệt. Ngài biết tất cả các sức mạnh trong thế gian, dọc vào tâm-khảm người trần như đọc sách, biết trước mệnh-dò. Ngài có hai người phù-bật: Mahytma, biết việc vị-lai; và Mahynga, điều-khiển những

(Xem tiếp trang 18)

Về cuốn « Quang Trung » I

ĐÁP ÔNG BÈ LÃNG NGOẠN

HÒA-BÀNG

Quang-Trung mới ra tập I. Còn tập II độ hơn 300 trang, hiện đang in chừng sang tháng tám tây này thì ra trọn bộ.

Vì vậy bất đắc dĩ mới phải chia làm hai tập, nên ông Ngoạn chưa được thấy bằng kẻ những sách báo tạp chí ở cuối.

Sách còn tiếp ông Ngoạn đã quá yêu, vội vàng phê bình trên báo Quốc gia (số 2, trang 16-17). Tôi rất cảm ơn các « nhà ý » ấy.

Tôi, trước tôi đã có mấy người viết về Nguyễn Huệ, nhưng xin hỏi: suốt hơn 200 trang trong Quang Trung tập I, ông có nhận thấy tôi đã viết khác hẳn những người trước không?

Bất bao nhà văn Pháp viết về Nã phá luận thứ nhất, nhưng mỗi người đứng một phương diện, có một quan-diểm, nào ai đã giống ai?

Những tài-liệu mà ông Ngoạn muốn dạy đời « dùng để viết những trang sử Quang-Trung » ấy, tôi tiếc, đã chẳng được bao làm mà trước ông Ngoạn, đã có người liệt kê ở cuối tác-phẩm của người ta (1940) rồi (1).

Chẳng những vậy, ông Ngoạn lại còn « nói mở » là khác nữa.

Thưa ông Ngoạn, chẳng hay ông xem ở bộ Hoàng Việt thì tuyển nào mà ông dạy nên dùng tài-liệu ở trong đó để viết về Quang Trung? Phải tôi, tôi chỉ được đọc bộ Hoàng Việt thì

tuyển do Hy-văn đường khảo-mộc bản -- Tôn-am gia tàng -- in nămất-dậu (1825), niên-hiệu Minh-mạng thứ sáu, nhưng không nổi trong ấy tuyệt không có một bài nào nói về Quang-Trung cả! Chứng cứ: trừ 70 bài ở quyển thứ nhất 102 bài ở quyển thứ hai, 100 bài ở quyển thứ ba, 132 bài ở quyển thứ tư và 99 bài ở quyển thứ năm toàn là những thơ mà Tôn-am Bùi Huy-Bích nhặt lượm của các hiền quân, trong tướng, danh nho, cụ công từ đời Lý đến đầu đời Lê Cảnh-hưng (trong một thời gian từ năm 1010 đến 1740), thì còn nhiều là chưa có một bài thơ nào dính-dáng đến việc Quang-Trung cả. Mà ngay đến quyển thứ sáu, có 59 bài của những nhà thơ ở vào khoảng giữa đời Cảnh-hưng (tức là vào khoảng 1755 - 1775, vì niên-hiệu Cảnh-hưng bắt đầu từ 1740 đến 1786) cũng chẳng hề có một bài nào có thể dùng làm tài-liệu để viết về Quang-Trung được.

Đến chỗ ông Ngoạn dạy lấy tài-liệu ở Đại Nam tiền biên liệt truyện để viết về Quang-Trung, tôi lại càng ngạc nhiên hết sức. Vì bộ Đại Nam liệt truyện có chia làm tiền biên và chính biên khác nhau. Tôi thấy trong Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập, quyển 30 có chép về « Nguyễn Tây liệt truyện » như truyện Nguyễn Văn Nhạc, truyện Nguyễn Văn Huệ và truyện Nguyễn Quang Toán, là những

nguồn tài-liệu rất phong-phú. Thế sao ông Ngoạn không biết tới mà chỉ kể đến Tiền biên là sách chỉ phớt qua ít cái về việc Tây-sơn như ở trong truyện Trương Phúc Loan chẳng hạn?

Lại thấy ông Ngoạn dạy lấy tài-liệu ở Lữ trung tùy bút, tôi càng kinh ngạc vô cùng. Vì tôi, trong tầm mắt hẹp-bỏ, chỉ biết có Vũ trung tùy bút lục của Tùng-niên Phạm Đình-Hồ hoặc Lữ trung tạp thuyết của Tôn-am Bùi Huy Bích.

Nếu là Lữ trung tạp thuyết, thì trong ấy tác giả Tôn-am nào có nói gì đến vua Quang-Trung, ngoài những tư-tưởng vặt, những luận thuyết ngắn về chính kiến hoặc về đức độ, chẳng hạn:

«... vừa được khen một chút đã vội lòng không ai bằng mình, không biết lực lượng, táo bạo làm liều lĩnh...» (L.T.T., tập trên);

và:

«... những lời văn học mới, lấy cấp ở trường thì lại càng chẳng phải là thứ người xưa gọi là văn nữa!» (L.T.T., tập dưới).

Thế thì có dính-lưu gì đến Quang Trung, nếu ông Ngoạn biết rằng là Lữ trung tạp thuyết? Hay ông chỉ ông lại đây là Lữ trung tạp bút: chép đầu của Tôn-am vào chân của Tùng-niên! Thật là một chuyện rầu ông, cảm bà! đầu ông, mình Sở!

Ấy đó, nhà đại văn hào, đại học giả của chúng ta, Ngoạn tiên-sinh, dạy đời dùng tài liệu trong những sách tưởng-tượng để viết về Quang Trung như thế, đấy!

Ông Ngoạn lại dạy có « một vị cổ đạo cũng đã chép chuyện Tây-sơn khởi nghĩa » ở trong bộ *Nouvelles Lettres édifiantes* (ông lại quá (ân-thận nói cả « in tại Paris năm 1818-1823 »), nhưng tiếc rằng, trước ông, Ưng-hòe tiên-sinh đã nói trên tờ *Tao-dân* rồi! (*Tao-dân*, số 1, ngày 1er mars 1939, trang 21).

Tiện đây, tôi xin trích lục những câu « của » ông Ngoạn đã « ám hợp » với văn của cụ Ưng-hòe để các bạn đọc thân mến tiện bề so-sánh:

« ... sử học cũng là « cái học ước-lượng, dựng-thành rồi lại phá-vỡ », nhưng phải nhớ rằng không phải là một khoa thực-nghiệm, cốt có phương pháp thì thôi... »

Ưng-hòe Nguyễn Văn-Tổ
(*Tao dân*, số 1, ngày
1er mars 1939, tr. 21)

« ... sử-học » chỉ là « học ước lượng, dựng thành rồi lại phá vỡ »; « sử học » không phải là một khoa thực-nghiệm, « Viết sử » chỉ cần nhất có phương pháp mà thôi... »

Bế Lãng-Ngoạn
Chủ bút kiêm quản
lý báo Quốc gia
(*Quốc-gia*, số 2, ngày
30 juin 1944, tr. 16).

« ... những « cổ - đạo » người Pháp có chép một vị truyện Tây-sơn khởi nghĩa trong bộ

Nouvelles Lettres édifiantes in tại Paris năm 1818 — 1823... »

Ưng-hòe Nguyễn Văn-Tổ
(*Tao - dân* số 1, ngày
1er mars 1939, tr. 21).

« Trong bộ *Nouvelles Lettres édifiantes* (in tại Paris năm 1818-1823) một vị cổ đạo cũng đã chép chuyện Tây-sơn khởi nghĩa... »

Bế Lãng-Ngoạn
Chủ bút kiêm quản
lý báo Quốc gia
(*Quốc-gia*, số 2, ngày
30 juin 1944, tr. 16).

« ... Một ông cổ đạo đã viết rằng người Nam theo anh em ông (Nguyễn Huệ) chinh chiến trở nên can-dảm hùng-tráng, đánh đâu được đấy, một người địch nổi mười người... »

Ưng-hòe Nguyễn Văn-Tổ
(*Tao - dân*, số 1, ngày
1er mars 1939, tr. 21)

« Vị đó (cổ đạo) lại thêm rằng: « Nam quân theo anh em Nguyễn - Nhạc, Nguyễn - Huệ chinh chiến đã trở nên can-dảm, hùng-tráng, đánh đâu được đấy, một người địch nổi mười người... »

Bế Lãng-Ngoạn
Chủ bút kiêm quản
lý báo Quốc gia
(*Quốc-gia*, số 2, ngày
30 juin 1944, tr. 16).

Thật là « tri mưu chỉ sĩ sở kiến lược đồng », đúng như lời người xưa đã nói.

Tôi lại sống-sốt quá đi: không biết ông Ngoạn đã chịu ảnh-hưởng của ông Phoa-Trần-Chúc sâu xa đến thế nào, mà ông Chúc viết ở truyện *Ngô - Thi - Nhậm* trong

quển *Triều Tây-sơn* (Mai Lĩnh xuất bản, 1942) rằng: « ... vua Quang - trung... phá tan hết mười chín vạn quân của Tôn-Sĩ-Nghị... » (trang 47), thì ông Ngoạn cũng nói « Nguyễn Huệ đã... chiến thắng 29 vạn quân Tôn sĩ Nghị » (*Quốc-gia*, số 2, ngày 30 juin 1944, tr. 16). Có điều đáng chú ý là một đảng viết toàn chữ, một đảng viết bằng con số.

Nhưng thưa ông Ngoạn, trong *Dại-Nam chinh-biên* (chứ không phải là *Tiền-biên* như ông Ngoạn đã dạy) liệt truyện sơ tập, quyển 30, từ 30 b chép có 20 vạn thời « Nguyễn Văn Ấy dạy: « N 11 tộc phụng chiếu suất Lương Quảng, Văn, Quý lương lộ binh nhĩ thập vạn... » Nghĩa là Ng 11 mộng vàng chiếu-chỉ đốc suất hai mươi vạn binh ở hai lộ thuộc Lương Quảng và Văn, Quý... »

Đó, các bạn coi, ông Ngoạn, trong một bài báo, vốn-vẹn chia dạy hai trang, từ tài-liệu đến dẫn sách, đã lầm ba lần bót như thế, vậy mà ông còn tự mệnh là nhà « phê-bình » bề trên câu văn của tôi. Ví dụ câu « Có gái lặn dưới vì người yêu... » (*Quang-Trung* I, trang 77), ông Ngoạn mặt-sát bậy rằng « như nghe một người ngoại-quốc lập nơi tiếng Việt nam » (*Q. G.* số 3, trang 17). Chết nổi! Thì ra ông Ngoạn còn nông-nội quá! Đó là người ta lấy ý ở câu *Cổ văn*: « Nữ vị duyệt kỹ giả dung » (女爲悅已者容) nên m'n đặt nó vào trong bài cái đầu ngoặc kép. Ông Ngoạn không biết, sao không đi hỏi người hiểu hơn đã, chưa chi đã vội bỏ! Ờ!

(Xem tiếp trang 13)

Các nhà văn phải đề ý đến chính tả

Từ-ngọc

Một bài văn bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh, dù có giá-trị đến thế nào, mà viết sai chính-tả, cũng bị người ta khinh là dở và không đáng đề lọt vào mắt độc giả.

Chính chúng ta học học chữ Pháp, cũng rất tuấn-tạo, đẹp đẽ chính-tả, khi nào viết cũng đề ý đến từng chữ. Ấy thế mà khi viết văn quốc-âm, thì thường cầu thả vô-cùng.

Không kể chỉ những bài văn, những quyển sách không có giá-trị; ngay đến những tác-phẩm, những tạp-chí uy-cred của quốc-dân tán-thưởng, ta cũng thường thấy những lỗi rất to.

Thí đây, ở trước mắt tôi quyển *Trai nước Nam làm gì* của Hoàng Đạo Thúy, quyển *Nam-Hoa tự-diễn* của Nguyễn-Trần Mỗ. Tôi muốn kể đến hai quyển đó là vì quyển thứ nhất do một người tôi rất cảm-phục viết, còn quyển thứ hai là quyển đã giúp tôi rất nhiều. Quyển *Trai nước Nam làm gì* được mọi người đều công-niên là một quyển có ích trong những quyển xuất-bản gần đây. Ấy thế mà, khi mở ngay trang nhất, ta đã thấy ba lỗi: « *đôi giầy* », « *giếp được nó* », « *ái xác* »; từ trang sau, cũng nhiều lỗi như thế. Không những ở bản in lần đầu, mà ở bản mới in lại, cũng lại vẫn còn nguyên những lỗi ấy.

Lời thứ thực, khi thấy những lỗi to như thế trong một quyển sách do Hoàng quân viết, tôi rất ngạc-nhiên, vì tôi không ngờ một

người giỏi sự cầu-thả như Hoàng-quân mà lại để lại nhiều lỗi trong những trang mình viết như vậy! Tôi sẽ nói đến, là vì mong ở Hoàng-quân sự hoàn-toàn.

Còn như quyển *Nam-Hoa tự-diễn* thì cứ mỗi trang là có mấy lỗi: ông Nguyễn-Trần Mỗ thường xáo-lộn những vần *d*, *gi* và *r*, thí dụ « *giải* », « *giảng* » (trang 7); « *rã* », « *riết* » (trang 9). (Nhân đây, tôi xin kể một điều làm tôi rất cười trong khi lọc quyển tự-diễn Nam-Hoa ấy, là ở giữa những tiếng ta, tác giả tình-thoảng chêm vào một chữ Pháp không có ích-lợi gì, thí dụ, *liet* et là ở trang 27, *yem ou yem*, ở trang 18. Ấu cũng lạ là một sự cầu-thả!)

Đây là nói về sách, còn ở báo-chí, thì càng ngày ta càng thấy biết bao nhiêu lỗi; giờ một tờ tạp-chí phía Bắc lại tình-thoảng lại thấy một lỗi về *ch*, *tr*; *s*, *x*; *d*, *gi*, *r*; mà giờ một tờ báo phía Trung và phía Nam lại cứ mỗi một là hàng chục lỗi về dấu hỏi, dấu ngã; hoặc về *ac*, *at*; *an*, *ang*, vân vân...

Tôi cũng hiểu rằng những lỗi địa-phương ấy do ở tập-quần mà ra, nên rất khó sửa. Nhưng đây là con nhà văn, tức là người đã lĩnh một cái sứ-nghĩa thiêng-liêng, thì mỗi khi viết văn phải đặt-dó từng chữ. Phương-chất này đã có những quyển *Tự-diễn Nam-Hoa* (như quyển *Việt-Nam tự-diễn* của hội Khai-trí Tiến-đức, và quyển *Việt-Nam chính-tả*

tự-vị của Lã Vĩnh Lợi (1)); mỗi khi mình không chắc-chắn về một chữ mình viết, thì giờ tự-diễn hãy tự-ra tra, đừng có khó gì?

Ta chớ nên tưởng rằng: ta đọc thế nào viết thế ấy, là đúng, vì trong nước ta, mỗi nơi nói tiếng về một phương-dialect như ở Bắc thì đưa trẻ nhỏ cũng phân-biệt dễ-dàng dấu hỏi, dấu ngã, mà ở Trung và Nam thì thực là một vấn-đề rất gay-go cho các nhà văn. Trái lại, văn *tr*, *ch* và *s*, *x* thì người Bắc không thể phân-biệt khi nào chuyển được, mà người Trung, người Nam lại tưởng rằng không bao giờ người ta có thể lẫn-lộn những văn ấy được. Còn như những vần *d*, *gi* và *r* ta chớ nên tưởng rằng ông Alexandre de Rhodes bịa ra sự phân-nội để làm khó dễ cho ta; không! Ở vùng Nghệ, Tĩnh, có mấy tiếng độ được rõ ràng ba vần ấy, không sai lộn bao giờ.

Vậy thì muốn học-nhiều Việt-ngữ, ta phải đề ý đến chính-tả đã. Con nhà văn ba kỳ phải cho sự viết đúng chữ quốc-ngữ là một bổn-phận thiêng-liêng mới được.

Nhân nói đến chính-tả, tôi xin bàn đến mấy điều kiện còn rất tồn-tồn trong cách viết của các nhà văn: một là cái cách ngang, hai là cách viết tiếng danh-tự riêng; ba là thói số chữ viết lộn vì lơ-lơ giữa nhau.

1) Cái gạch ngang

Tổng ta là một tiếng Hán âm, nhưng có nhiều chữ ghép. Một thân lẫn, đạo đức, đạo đức, đạo

ting, bẽ-bàng. Những chữ ghép ấy cần phải có một cách gì phân-biệt với những chữ rời: Đã, có người bản hên viết liền với nhau như trong một tác-phẩm của ông Phùng Tấn-Đắc; nhưng nghe những người muốn theo cách đó. Vậy thì trước khi tìm được cách khác hơn, cần phải giữ cái gạch ngang, cho tiếng nước mình thêm tinh-tế. Những người bản bỏ gạch ngang đi, chỉ tìm một cách giải-quyết, dễ-dàng nhất, nhưng không được thỏa-đáng.

2) Cách viết tiếng đánh-tên riêng.

Danh-tự riêng chỉ tên người và tên chỗ.

Tên người thì chia hai phần: một là họ, hai là tên. Họ hay là tên có khi có tiếng ghép, vậy khi viết phải phân-biệt rõ-ràng: Như Nguyễn Bình-Khiêm, thì Nguyễn là họ, Bình-Khiêm là tên, ta phải viết gạch ngang giữa chữ Bình và chữ Khiêm, chứ đừng để gạch ngang giữa chữ Nguyễn và chữ Bình. Lại như Tôn-thất Thuyết, thì Tôn-thất là hai tiếng ghép thành họ, ta phải đặt gạch ngang, mà Thuyết là tên phải viết rời ra. Còn những người họ và tên không có chữ đệm, như Nguyễn Huệ, thì hai chữ là cùng phải viết hoa không có gạch ngang. Những tên tự và tên hiệu, thì phải có gạch ngang, nhưng chỉ chữ đầu viết hoa mà thôi, như Tố-như, Ưc-rai, Hưng-đạo, Thánh-tổng...

Còn tên chỗ thì cũng chỉ chữ đầu là viết hoa, còn chữ sau, hoặc những chữ sau, viết thường, và đều có gạch ngang: Thừa-thiên, Hí-mã-lạp-sơn.

3.) Một số chữ thường viết lớn.

Người phía Bắc thường viết lớn những chữ này:

- *mấy* (mấy người) lớn với *mới* (mới đến), *lộn* với *đối* (với nhau);
- *đều* (đều nhau) lớn với *điều* (điều lỗi);
- *hươu* viết ra *hiêu*;
- *cừu* viết ra *khu*;
- *chàng* viết ra *chả*;
- *trâu* viết ra *riêu*;
- *bầy* viết ra *bầy*...

Người phía Trung và phía Nam thường viết lớn những chữ này:

- *chiều* (hiều mền) viết ra *chiu*;
- *này* viết ra *nây*;
- *thầy* viết ra *thây*;
- *lười* (lười biếng) viết ra *lờn*;
- *cộng* (cộng trừ) viết ra *cong*;
- *nhà* (nhà cửa) viết ra *dà*;
- *về* viết ra *dạ*...

Những cách viết như thế, ta phải nhận là lối dùng chữ chưa quan-hệ ta đều đọc sai từ lúc thơ ấu ta vẫn học làm. Nếu không, thì đừng nói đến hợp nhất nữa! Đã hợp-nhất thì phải cùng viết như nhau. Người xứ Provence, người xứ Bretagne khi viết tiếng Pháp có viết khác người ở Paris đâu nào? Trừ khi họ muốn dùng một chữ hoàn-toàn lạ-phương, thì họ viết ngả, hoặc viết giữa hai cái ngoặc kép.

Với bài này, tôi mong các nhà văn ba kỳ một sự cố-gắng: mỗi khi cầm quill-bút viết, ta nên coi chữ ta là một việc quan-hệ trong nghề làm văn của mình.

Tôi lại yêu-cầu các nhà xuất-bản và các ông chủ-báo nên để tâm đến vấn đề đó. Trước kia ở

hệ Pháp mỗi ông chủ một tờ báo thấy các nhà văn cũ hay làm mấy chữ « rien moins que » với mấy chữ « rien de moins que ». Ông ấy ra lệnh cho anh thợ xếp chữ rằng: thì nào ý trong câu có nghĩa là « không một gì nào » mà thấy « rien de moins que » thì cứ tự tiện bỏ chữ « de » đi; trái lại, nếu nghĩa trong câu là « thực là có » thì hãy « rien de moins que » thì cứ tự tiện cho thêm chữ « de » vào.

Kể ra cách chữa ấy rất nguy hiểm, vì nếu anh thợ xếp chữ không hiểu được câu văn, thì có thể làm sai ý của tác-giả.

Nhưng ở bên ta, thiết tưởng lối ấy rất có lợi quá: nếu ở Bắc, nhà in mượn một người chữa bản in người Trung-kỳ và cho người ấy phép tự ý chữa những chữ có vần in ch, d, g, r, thì có lẽ bỏ được nhiều lỗi của nhà in. Còn ở Trung và Nam thì nên dùng một người chữa bản in người Bắc và ra lệnh cho người ấy tự ý sửa dấu hỏi, dấu ngã và các dấu cuối chữ như *uc*, *nt*, *nh*, *ung*... Có lẽ đó cũng là một cách trừ bớt lỗi câu thơ. Phương pháp ấy, tôi xin trân-trọng hiến các ông chủ nhà in, nhà xuất-bản và nhà báo.

Song, nếu các nhà văn tự mình bắt buộc mình phải viết chữ quốc-ngữ cho đúng, có phải giản-tiện biết bao!

Từ-ngọc

1) Trong quyển này, ông La Vĩnh-Lợi-biên giòng nước, giòng chữ. Nhưng thực ra, phải viết « dòng nước, dòng chữ, còn giòng thì dùng trong những chữ: giòng trâu, giòng thuyền, v.v. hai chữ này, tôi đã có bản trong Tao-Dầu số 5, ngày 1-5-1939

Hội Khuyến học Cần-thơ

GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG THỦ KHOA NGHĨA (1)

Nguyễn văn Kiệt, chủ tịch ủy ban văn chương của hội K. H. C. T.

L. T. S. — Đêm 24 jain 1944, hội Khuyến học Cần-thơ đã làm lễ phát giải thưởng văn-chương Thủ-khoa Nghĩa năm 1943 rất trọng thể. Kết quả: quyển Dữ 1g q 16 của ông Phai Văn được giải nhất; quyển Truyện năm người thanh-niên của ông Nguyễn Ngọc-Tài được giải nhì.

Tri-Tân xin thành thực mừng hai nhà văn đã trảng thướng và Hội Khuyến-học Cần-thơ đã hái được kết quả mỹ-mĩn trong cuộc thi này.

Dưới đây, xin trích đăng tờ trích về việc chấm thi của giáo sư Nguyễn văn Kiệt để cung chất tài liệu vào « cuốn sổ » văn học 1943 1944.

(... Lược...)

Chúng tôi rất vui mừng thấy văn-nhân Nam-kỳ không phụ lời kêu gọi của hội Khuyến Học Cần-thơ và đã gởi đến dự thi cả thấy là 28 bảo cáo, trong ấy có 1 tập vận-văn, 15 quyển tiểu-thuyết, 5 quyển chuyện ngắn, 1 quyển phóng-sự, 1 quyển ký sự, 3 quyển nghị-luận, 2 quyển khảo cứu. Trừ ra tập vận-văn chúng tôi không đọc đến chiều theo điều lệ đã định trước — Còn lại bao nhiêu chúng tôi đều xem xét kỹ lưỡng, theo một biểu phân điểm tổ-tướng. Chúng tôi cố ý cho phần nội-dung trời lo phần bình thức, vì một quyển văn chương hay — theo chúng tôi tưởng — chỉ được thưởng-thức nhất thời; mà một tác phẩm được trường cửu là nhờ tư-tưởng mới mẻ, cao-siêu, nhờ quan sát tinh-tưởng thấu-đạo. Đó là chúng tôi không kể cách cấu-tạo quyển văn, đề cho mỗi giám khảo tùy tiện mà phê-phán.

Trong 28 quyển đã xem qua, chúng tôi ít thấy quyển nào được hoàn-toàn về nội-dung và bình thức.

(... Lược...)

Còn vài quyển tâm-lý tiểu thuyết được chúng tôi đề ý: tác-gia đặt những thanh-niên cui-khí và hiểu

học vào cảnh gia-đình và xã hội hiện thời, rồi kể miêu-tả sự phản động trong tâm-hồn của họ. Đề mục cổ phần mới mẻ — khác với Một người của Lê-văn-Trương — và nếu diễn tả khéo, có thể tạo nên những nhân vật tiêu-biểu cho hạng thanh-niên bất mãn trong xã hội Việt-Nam ngày nay. Nhưng tiếc thay, tác giả kể việc nhiều hơn về người trong những công việc làm; tiểu-thuyết cơ-hồ như một bài kỹ-thuật, mà trong đó có nhiều đoạn nghị-luận dài dòng, sai sự thật, và không quan-hệ đến vấn đề.

Một quyển thuộc về loại xã-hội tiểu-thuyết, vì nó cố ý lật bẽ trái của xã-hội Việt-Nam cho ta thấy trông bóng tối một lớp người, hào trai nào gái, nào lớn nào nhỏ, đều là nạn-nhân của bạng tai mắt giàu sang. Câu chuyện giản-đi, đầy hoạt động, bao gồm nhiều thảm-trạng bi tình; nhưng trong ấy có nhiều chi tiết không đúng với sự thật và nhiều nhân vật có những nói-năng cử-chỉ trái với tính khí của một người Việt-Nam. Đọc quá, chúng ta như đã phảng-phất thấy rồi trong những tiểu-thuyết Pháp

Chuyện ngắn có lẽ còn kém hơn tiểu-thuyết. Phần nhiều là những câu chuyện sáo về ái-tình, viết đề

giải buồn, hoặc những chuyện lấy trong cuộc hoạt động hằng ngày, mà sai với thực-tế.

(... lược...)

Loại nghị-luận và khảo-cứu cũng không làm cho chúng tôi được thỏa-mãn hơn. Tư tưởng hoặc quá cũ-kỹ hoặc quá duy-tâm, cả thấy đều không bổ-ích, không ứng-dụng. Một quyển viết trôi hơn hết, có nhiều kiến thức mới mẻ, tâm nhuần một giọng thật-thành. Nhưng cách trình bày lổ-lằng lộn-xộn; nhiều đoạn dòng-dài kể-lẽ, làm mất yếu điểm của vấn đề và động-giả khó lòng lãnh-hội được đại-ý của tác-gia.

Về mặt từ-ngữ, trong các loại kể trên, không quyển nào được mỹ-mãn. Phần nhiều họ không hiểu chữ nghĩa của những chữ kép và không biết phân-biệt những tiếng « nói, dóc » theo giọng Nam-kỳ với những tiếng không « nói dóc ». Cho nên nhiều chữ họ viết sai; ví dụ: « khá vĩa », thay vì « khá giả »; « Quán lạ », « quí quá », « đùa rớt » thay vì « đùa lạ », « quí hóa », « đùa » thay vì « đùa ». Cũng bởi không hiểu thấu đáo nguồn gốc mỗi chữ, nên họ dùng chữ rất sai; làm cho trong một câu nói ra hai ý tương-

phần, ví dụ họ viết: «vốn có một bộ óc từ lập...» chẳng rất ý lại nơi sức minh. Hoặc họ ghép một chữ Nam với một chữ Tàu làm ra một tiếng kép quái-dị: Trong mai hậu đêm u tối, tánh-cách riêng-biệt v.v...

Và cú-pháp, chúng tôi thấy phần đông tác giả chịu ảnh hưởng pháp-văn, nên họ viết ra nhiều, câu mất hẳn linh thần của tiếng mẹ đẻ.

(... Lược...)

Một nhược-diểm nữa, là văn điệu không được duy-nhất: Giữa những lời thanh nhã họ dùng nhiều chữ dung-phạm như: cút hươu, lăm bảy, bát ngửa... mấy chữ ấy làm mất vẻ thanh-thoát của câu văn. Hoặc giữa giọng trang nghiêm họ dùng những tiếng bông đùa, như: «gan», «củ», «vỗ ngực nháy ra» v.v... (Còn nữa)

1) Lễ phát thưởng đã cử hành vào đêm 24-6-44, hồi 8 giờ rưỡi tại rạp Majestic cantho dưới quyền chủ tọa quan chánh chủ tịch de Montigny; theo chương trình dưới đây:

1. Diễn-văn khai-mạch

của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGŨN

2. Cuộc phát thưởng:

— Lược trình chấm thi của ông NGUYỄN-VĂN-KIỆT

— Giới-thiệu tác-giả trúng tuyển

— Lời đáp-lạ của ông PHI-VĂN

3. Bi-kịch «Nàng-Thơ»

của LỘ-PHẠNG, đã nhơn-viên

Hội Khuyến-Học đóng tuồng.

4. «Thi-sĩ Tản-Đà»

diễn văn của ông

NGUYỄN-VĂN-KINH

5. Hải-kịch «Ba Tâm Hồn»

của NGUYỄN-VĂN-MƯỜI, do

nhơn-viên Hội Khuyến-Học

đóng tuồng.

Hội khuyến học Cantho xin đặt đề các văn hữu hay rằng giải vấn chương. Thủ khoa Nghĩa năm 1944 bắt đầu mở kể từ ngày đăng tờ thông cáo này theo những điều kiện cũ. Xin các bạn hưởng-trưng cho đồng Hội Khuyến Học Cantho

VỀ CUỐN « Quang Trung » I (Tiếp theo trang 9)

Viết một bài cớ-coa mà còn đầy những lăm, những lổ, như vậy thì còn bàn đến sử-học, đến phương pháp viết sách, đến lối hành văn làm chi cho độ «giả từ» cười nữa!

Trong một thiên lịch-sử ký sự, điều cốt yếu nhất là ở sử liệu. Những sử-liệu tôi đã dùng để viết cuốn «Quang-Trung» ấy, ông nếu uyên bác thì xin cứ chỉ giáo cho, như tôi đã bày tỏ ở «Quang-Trung I, trang 202» đó.

Còn văn-từ chỉ là phương-tiện để biểu-điểu tình-khả: mỗi người có một lối hành văn riêng, ông rất có quyền chỉ hươu, chỉ vượn, chỉ dơi, chỉ sim, nói thế nào mà chẳng được!

Nhưng, nhân tiện, tôi lắng chỉ cho ông Ngoạn thấy chỗ mâu thuẫn trong bài của ông là một điều tối kỵ trong phương pháp phê-blah đã:

Ở Quốc-gia, số 2, trang 16, cột 4, ông chê Quang Trung I

của tôi rằng «... tài-liệu không được rỏi rào» Xin lỗi ông, ông viết văn quốc-ngữ hãy còn chưa dùng kia: đối-đảo chữ không phải rỏi rào. — Xin coi Chính tả tự-vị — Lã Văn Lợi — tr. 63). Thế mà đến trang 17 cột 2, ông lại tự phần: «Chúng tôi đồng nhận rằng ông Hoa Bằng đã dụng công tham khảo rất nhiều sách» và «tài liệu... nhiều...»

Trong một bài báo nhỏ, trước san còn mâu thuẫn là thế, ông Ngoạn còn tập-lệnh thực, nói đến phương-pháp viết sách nữa?

Xin ông Ngoạn đừng quá lo. Về cuốn Quang Trung, tôi có thành công hay chẳng, đã có bạn đọc trả lời, thời-giải trả lời.

Bánh xe của tôi đã quay, đang quay và còn cứ quay; tha hồ ông cứ thọc gậy nếu ông có ý. Gủi sợ tre non, gậy gậy: nghĩ lại thêm phiền!

HOA BẰNG

1) Có điều hơi khác là người ta viết là Vũ trung tùy bút, nhưng ông Ngoạn chép là Lữ trung tùy bút.

TU SÁCH NGÀY MỚI

Đại Học thư xã trình bày:

Đã phát hành: **VĂN HỌC và TRIẾT LUẬN**

bà-Mộng Sơn viết

— Căn-cứ vào biện-chương-pháp, tác-giả nghiên cứu về vấn-đề phụ nữ trên thực-trạng của xã-hội Việt-Nam. — giá 2\$50

Sẽ phát hành:

KHÔNG GIẢO với ÔNG ĐÀO-DUY-ANH

nghiên cứu của Nguyễn uyển Diễm giá 3\$00

VIỆC và SỐNG

Bình-lận về văn chương Việt-Nam hiện-đại của Nguyễn Xuân Huy

VĂN CHƯƠNG và XÃ HỘI

nghiên-cứu của Lương đươc Tụ tập

Còn một ít:

MỆ TÔI tiểu-thuyết truyện lặc

của Nguyễn khắc-Mỹ. — Giá 3\$80

ĐẠI HỌC THƯ XÃ 181, Henri d'Orléans Hanoi

Boite postale N° 9 Gặp đố: LÊ-MỘNG-CAU

Poê bình thơ bà Huyện Thanh Quan :

Qua Đèo Ngang

Tây-sơn ra Bắc hà

Chúa Trịnh lên, nhà Lê đổ.
Vua Chiêu Thống trốn sang Tàu.
Nước ta trong cơn nguy biến,
trước cảnh tang thương một Lầu
đá, một bức tường, một con sông,
một khoảnh đất chơ vơ gọi
lòng ưu-ái cho khách qua đường.
Bao nhiêu lời than-sảm của ngòi
bút các danh nhà lại lại hậu thế
đều vết dấu tàn của thời đại.

Đèo Ngang, chia đôi tỉnh Hà-
tĩnh và Quảng bị th trên con đường
quan lộ. Đó cũng là một dấu tích
của triều đại cũ : Nhà Lê ; bà sống
về đời Nguyễn. Trước cảnh này,
ai mà chẳng cảm động.

Trong cảnh ngộ, bà Huyện Quan
đã gửi tâm hồn vào trong 56 chữ
của bài đường luật.

Bước tới Đèo-Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi, tiều vài chú,
Láe dác bên sông, chợ (1) mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.
Dừng chân đứng lại, trời non nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.

Ngồi bút nghiêng trang, bà tả
một mối buồn ta lảng trước cảnh
oái nguyền hùng vĩ của Tạo hóa
và trong cái buồn ấy một mối tình
thương nước, tâm hồn chung của
dân thời bấy giờ.

Đèo Ngang không phải là cảnh
khô khan vì có « cỏ cây chen lá,
đá chen hoa », có « tiều vài chú »
có « chợ mấy nhà ». Nhưng cái
cảnh miền mộng lung vĩ : trời,
non, nước, đã thu cái cảnh nhỏ
nhên kia vào trong, cũng như lòng

« thương nhà » đã nhường cho lẽ
« nước nước ». Cảnh đẹp đến cực
điểm, thơ càng Lộng lẫy, và như thời
miền ta đứng lại :

« Dừng chân đứng lại trời, non,
nước. »

Trời non nước, là « quả hương,
là tất cả. »

Tác giả xếp cổ người cũng
ngâm, nhưng chỉ có một tình :
« Một mảnh tình riêng ta với ta. »

Bà rất khéo, trong cái bố cục.
Từ cái yêu di tích bà đưa tới cái
yêu quê hương.

Trong bài, bà câu phân ứng
cần, từng tiếng, cho lời hợp với ý.
« Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà »

Với tám chữ bà chỉ rõ giờ buổi,
cảnh vật bà tả.
« Cỏ cây chen lá đá chen hoa »

Ta thấy quan Đèo Ngang nào
rõ cây hoa đá chen nhau, nhưng
cái chen lộn đó dường như theo
âm luật câu thơ.

Cỏ cây chen lá đá chen hoa
o a e a a e o
1 1 1 1 1 1 1

Đó là trên đèo ; dóm xuống
sườn núi, vài chú tiều vài chú,
mệt-nhọc làm việc lẻ loi trong
cụm rừng. Và, xa hơn nữa ; bên
kia sông, một cái chợ gồm mấy
nhà. Thiệt là một cảnh không phải
không người, nhưng rời-rạc, lảnh
đạm với nhau.

Còn trên rừng thì :
« Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
« Thương nhà mỏi miệng cái gia
gia. »

Tác-giả kết lại hồn phong cảnh
bằng cái nhớ và thương của quốc
và gia.

Riêng tám hồn người trong
cảnh thì man mác như : rời, non,
nước nhưng lẻ loi như cái tôi
và tôi.

Tác-giả đương nhanh bước,
bỗng chậm lại :

Dừng chân đứng lại trời, non, «
nước. »

2 2 1 1 1

Âm điệu di dôi với tám-hồn tác
giả, thơ thả về trước, càng lâu
càng thắc mắc rồi tới chót đi một
mạch như cái thở của người đau
khổ, một cái thở gót mắc.

« Một mảnh tình riêng ta với ta »
2 2 1 1 1
a o - a

Tám câu thơ, ngòi bút của bà
Huyện Thanh-Quan đã đạt tới
tuyệt diệu về nội dung và hình
thức. Mỗi chữ là một ý-lượng,
không chữ khô, không điền mắc,
mà lời du dương và nghiêm nghị,
đáng là một áng văn tuyệt tác.

VIỆT-LAN (Batri)

1) L.T.S. — Có lẽ chữ « chợ » đáng
hơn. Vì câu thứ tư này tác giả muốn
nói : bên sông, có thưa thớt mấy
nhà của người mọi « chợ ».

Giá bán	
1 năm	20 \$ 00
6 tháng	11, 00
3 tháng	6, 00
Mỗi số	0, 50

Văn học Việt-nam hiện đại

BA NGƯỜI THỌ' CẦN MẮN.

Số 1.

I E-THANH

Chắc có người bảo: từ Lý, Trần, nước ta cũng nhiều phen độ: lập, nhưng chỉ độ: lập về chính sự, còn về tinh-thần hình như lúc nào cũng phải chịu sự Đô-hệ của người Tàu. Minh học sách Tàu, thì cứ theo thể cách của người Tàu, thành ra cái hệ ngoài người mình là người Việt-nam, cái óc lại là cái óc người Tàu. Tuy nhiên, lịch sử đã chứng rõ ràng mỗi khi nước mình nghèo, hoạn vì một sự đè-nén nào, cái tư tưởng về quốc-gia mạnh, thì người mình lại có ước vọng thoát ly sự đô-hệ về tinh thần ấy. Sự ước vọng ấy cũng ở trong phạm vi quốc-gia.

Tôi cũng công nhận như vậy, tôi cũng biết mỗi khi mình có cái ý thức rõ rệt rằng mình cũng là người một nước, mà mình lại cứ đi học để làm người một nước khác, làm con tinh thần của một nước khác, thì mình lại muốn tự gây lấy một nền học văn hoàn toàn của mình. Những đó chỉ mới là những ý muốn, tiềm tàng trong thâm tâm chứ chưa đem ra thực hành, hoặc có được thực hành thì cũng rút rè. Ta chưa hề có những nhà chính trị, những nhà văn họ báo gây lấy một nền học văn riêng của mình, cũng nhiên, họ báo bằng cách viết báo, soạn thuyết, đem vào trí óc của người cái quan niệm rõ rệt rằng mỗi người đều có cái bổn phận giúp vào sự gây dựng nền học văn và cái văn tự của mình.

Ta phải chờ đến tận năm 1907 mới có những người — như trước đã nói ở trên. Nếu chỉ cần-Vinh Phan-Quỳnh, Nguyễn Khắc-Hiếu — đứng lên thì ắt thì kêu gọi đồng bào trả giá về việc gây lấy nền học văn, cái bổn phận ấy cũng lúc nào cái bổn phận gây dựng nền quốc gia của mình vậy.

Ô Nguyễn-văn-Vĩnh (1)

Nguyễn-văn-Vĩnh tên sinh xuất thân ở Tây-lạc, những ngày sinh trưởng rất nhiều của Hán-tôn, suốt đời, khi làm nhà báo, khi làm nhà văn, khi làm nhà chính trị, rồi nào tiền sinh cũng tận tụy vì một lý-tưởng: mưu sự tiến-bộ của dân-tộc Việt-nam.

Sinh vào cuối thế kỷ thứ XIX, khi liên-sinh biết đến con mắt ra nhìn đời thì xung quanh toàn một cảnh điêu tàn, đổ nát. Cũng như Trương-vĩnh-Kỷ trong Nam-kỳ, liên-sinh biết rằng trước mắt chỉ còn có một con đường đi lên, hợp tác với người Pháp để gây sự Phục-hưng cho quốc-gia. Mà muốn phục-hưng quốc-gia trước hết phải lo việc giáo-dục dân. Một dân-tộc thái độ: có đến chín mươi chín phần trăm mù, đã có hi vọng góc đầu lên sao được. Vậy muốn cho nước mạnh cần phải lo việc giáo dục cho dân, đến cho mọi người một cái lo: thông cảm, biết, gây cho mọi người cái tinh thần quốc-gia, đều cốt từ của sự sinh tồn của quốc gia.

Nhưng muốn thực hành cái chương-trình giáo dục, phần quan trọng của cái chương-trình phục-hưng quốc-gia ấy, mình phải có phương-giện truyền bá tư tưởng không mới, từ trước nhà dạy mình chỉ ra công di học nhà, và lại di học nhà, nhờ ông Hào là một thư chủ khó học chữ-sách thì mất đã mất, trán đã nhăn, không còn thì giờ dưng nữa.

Trong cái hiện trạng ấy, liên-sinh đứng lên, rồi động, vào đến chữ quốc ngữ thay vào chữ Hán, gây cho quốc ngữ hành một cái gì: ngữ văn chính thức.

« Nước Nam ta mai sau này hay dở là ở như chữ quốc ngữ », đó là lời nói làm huyết của liên-sinh, đó là cái kim chỉ nam đường đi đưa đường trong bất cứ một công việc nào của liên-sinh.

Năm 1907 liên-sinh cùng đồng-cử lập lên Đông kinh nghĩa học, mà một mục đích là chính là truyền bá chữ quốc ngữ.

Cũng năm ấy, ông bước chân vào hàng ngôn luận, với cái trọng trách chủ-bút tờ Đông kinh nghĩa học, tờ báo viết bằng quốc văn từ hồi của Bắc-kỳ số đầu xuất bản ngày thứ năm 20 tháng 10 năm 1907.

Trong bài tuyên ngôn, ta không thấy liên-sinh đặt ra một chương trình nhưng đọc rồi lại thấy là một cái thấy, liên-sinh có một chương-trình rõ rệt:

— Nâng cao trình độ dân trí bằng cách đem cái học thái tây phổ thông trong dân gian.

— Cổ động sự học chữ quốc ngữ.

Muốn thực hành được phần thứ nhất của chương trình trước hết tiên-sinh tìm cách đả đảo cái lối học cò hương, học đề đi thi, đem thay bằng cái học thực dụng. Trong một số báo, nhân bản về vấn đề « duy tân » tiên-sinh viết:

« Người nước Nam được một cái lạ là cứ được đọc sách ngâm thơ là sướng, hiểu hay không hiểu không cần. Từ người kể truyện Nhị độ mai cho đến ông bình văn cái cốt có động mà thôi. Thế mà đọc đi đọc lại hàng rằm bảy mươi lần cũng không biết trán. Đọc quá đến thuộc lòng, nhưng thuộc cũng ví như con yêng, cũng như cái máy thu thanh, lắp đi lắp lại mãi cho quen miệng chứ không phải tại nghĩa lý in vào trí mà thuộc.

« Kia như trong sách cho (2) bao nhiêu là câu hay, mở sách ra trang nào trang ấy là có câu hay cả; giả thêm bực dễ bụng, lấy làm hay mà nhớ, nhớ rồi theo mà làm, thì nước Nam làm chi đến nỗi thế này. »

(Đ.C.T.B. ngày 8.8.1907)

Tiên-sinh đem những ý-tưởng có trong sách thái tây ra hoặc bàn luận rộng, hoặc dịch bản cho đồng bào xem.

Cũng trong phạm vi chương trình này, ngày tiên-sinh cùng mấy đồng chí bỏ bảo lập một cái bồi dịch sách. Ngày chủ nhật 4 Acut 1907 tức là ngày 26 tháng sáu năm Thành Thái thứ 19 buổi này họp lần đầu tiên ở Hội quán hội Trí Tri Hà-nội. Có đến ba trăm

người đến dự. Quan hiệp-biên Đỗ-văn-lâm làm trưởng hội-đồng Nguyễn-văn-Vĩnh có đọc một bài diễn văn giải bày tỏ mục-dịch và cổ động cho hội.

« Ở thế gian này, xem trong các nước phàm nước nào đã gọi là nước văn minh là có văn-chương cả, tiếng nói thế nào chữ viết như thế. Mà cái văn minh người ta cũng ở đó mà ra, vì chữ có là ảnh tiếng nói thì mới dùng để chuyển sự hay đi trong nước ai ai đều học được cả. »

(Còn nữa)

LÊ-THÀNH

(1) Ông Nguyễn văn-Vĩnh, sinh ngày 30 tháng tư năm Nhâm Ngọ (1882) ở Hanoi, quán làng Phượng-vũ, phủ Thường-lin, tỉnh Hà đông. Năm 14 tuổi, đỗ lót-nghiệp trường Thông-ngôn, cũ, thoát kỳ thủy bộ làm thư-ký tòa sứ Lào kay, sau đổi xuống tòa-sứ Kiên-an (khi ấy còn ở Hải phòng), rồi sang tòa-sứ Bắc-ninh và về tòa Đốc lý Hà-nội. Năm 1906, ông dự cuộc đấu-xảo Marseille, khi trở về thì ông xin từ chức nhà nước, lưu tâm về đường doanh nghiệp: cùng ông Dufour mở cái nhà in thứ nhất ở Hà-nội.

Năm 1907 ông đứng làm chủ bút Đảng cổ lung báo; năm 1908 mở tờ báo tây Notre journal và năm 1909 mở tờ báo tây Notre revue do ông làm chủ nhiệm và chủ bút; năm 1910 ông vào Nam kỳ làm chủ bút Lạc tinh tân văn do ông F.H. Schneider sáng lập. Năm 1913, giữa khi xảy ra việc ném bom Hanoi Hotel, ông đứng làm chủ bút Đảng đương lập chí.

Năm 1916, trong Đ.D.T.C., ông lại cùng ông Trần Trọng Kim mở ra lớp Nam-học niên-khoa để cho các trường có đủ tài liệu dạy học trò và đặt ra phương pháp mới dạy quốc ngữ.

Năm 1919, ông thay ông Schneider làm chủ nhiệm báo Trung bắc tân văn và đổi Nam-học niên-khoa làm Học-báo.

Năm 1922, ông dịch Les misérables của Victor Hugo đăng báo T.B.T.V., liền mấy năm mới hết.

Năm 1927, ông khởi xướng vấn đề cải cách chữ quốc ngữ, lấy năm chữ thay cho năm dấu. Cũng hồi ấy ông cùng ông Vayrac đứng chủ trương thư viện Âu-tây tư tưởng.

Năm 1931, ông cùng mấy đạo đồng chí mở ra báo l'Annam nouveau, ông viết nhiều bài về chính trị rất hăng hái.

Ông tạ thế ngày 2 Mai 1936 tại Tchepone (Ai-lao).

« Năm 1906, tôi được cử vào phái-bộ sang dự cuộc đấu-xảo Marseille. Gian hàng của Bắc kỳ dựng ở liền gian hàng của báo Le Petit Marseillais. Ông chủ tờ báo ấy... muốn làm quảng cáo cho báo mình, đã khua cả cái tòa báo vào trong trường đấu-xảo; xưởng máy, tòa soạn, tòa trị sự, đủ cả. Hằng ngày, tôi thấy cái cảnh hoạt động trong tòa báo ấy mà thêm: máy chạy âm, phòng viết đi lầy lẩn tấp lỏi. Tôi thấy như tôi đắm mê về cái nghề làm báo. Cả ngày tôi sang lại ta hỏi hết cái này đến cái nọ. Ông chủ báo ôn tồn giảng giải cho tôi rất tử tế. Tháng Février năm 1907, tôi về nước đem chuyện làm báo nói với ông Đỗ Thận; ông này khi ấy đang làm cho ông Schneider chủ nhà in.

Sau một cuộc thương thuyết, giữa ông Đỗ Thận và ông Schneider, mà kết quả là ông Schneider quyết định đổi tờ quan báo Đại Nam đồng văn nhật báo ra làm Đảng cổ lung báo.

« Một giờ với ông Nguyễn văn-Vĩnh »

Tin-văn số 1 ngày 28-7-1935

(2) L.T.S. — Ngời là chữ « nhỏ »

Cải chính

Đặc sản về cá đay lập hai ở trang 4 bài « Kể sĩ », cột 1 giòng 10: Lý nhân lập (1072-1127) in nhầm là Lê Nhân tôn, nay xin cải chính. T.T.

Một quyển Xã-hội Việt-nam (Tiếp theo trang 3)

chữ «vật» ấy khác nhau: một đảng là con vật, một đảng là đồ vật.

Cóa nhiều chỗ sai lầm, như trang. 45 nói Sĩ-Nhiếp «tự tiện chiếm đất Giao-châu, làm lãnh thổ của mình», là nghe lời truyền khẩu, chứ không có sách nào chép như thế: các sách đều chép Sĩ-Nhiếp có công đức với dân, nên dân tôn làm «Sĩ-vương».

Cứ như thế, thì quyển Xã-hội Việt-nam này hơn 400 trang nên chứa tất cả thì phải viết đến 800 trang, nay chỉ dẫn vài bốn câu như thế, độc-giả cũng biết cái giá-trị quyển sách ấy là thế nào. Không những là không ích gì, mà lại hại thêm, vì nói xấu người đời xưa, nói phạm đến bậc anh-hùng hào-khí, dẫn chữ Tàu chữ Tây dè dặt, thật tựong sách như thế, mà để những chữ to-tát như «Tân văn hóa» và «Xã hội Việt-nam», thì thật là đúng với câu «tai lè họa tào» (làm cho thứ gỗ lè gỗ tào là gỗ làm vụn in sách, bị tai họa, lầy). Thế mà lịch-sử xã-hội, ở nước ta, khảo cứu có khó gì đâu? Nếu không tra được sách nào, thì lấy sách Tây ra mà rút lại cho thật đúng, đừng bàn luận gì ra ngoài, có phải là cố ý không? Ông Lương, đức Thiệp, không làm thế, ông đem chế độ dân-khác gần và dân mình, nhiều câu sai lầm không thể tưởng-tượng được. Cũng có đoạn nghe được, như đoạn giáo-dục tuy vẫn còn nhiều chỗ sai, như câu «nhà học tại các phố» ở trang 314; kỳ trước tôi đã nói: ông Lương, đức Thiệp bắt chước câu ấy ở bài Ông nghệ triêu Lê mà không dẫn vào mục tham khảo; chính câu ấy ở bài

Ông nghệ là «nhà học ở các phố». Thế mà cuối sách có mục «tân văn» nói «bài Ông nghệ không có ích»! Tự-ngữ ta có những câu: vừa «ăn cháo...», «vừa đánh trống...» Có phải là làm xấu cả chữ «Tân văn hóa» và chữ «Xã hội Việt-nam» không?

Bổ-chỉnh bài «Hát bội» kỳ trước

Bài phê-bình quyển Hát bội của ông Đoàn-Nông đang ở Tri-tân số 149, trang 6-7, có hai câu in nhầm, là câu: «Mãn Tuanh mất nước, thiên hạ đều đổ tội cho Từ-li (xem quyển G. Liéson, tức Soulié de Morant, T'sen-hsi trong bộ Les femmes illustres), và câu: «Nghề hát bội của ta cũng như nghề khác, phần nhiều bất-chước của Tàu, cứ xem mấy đoạn sử ta dịch dưới đây thì biết:

~~Đại-Việt sử-ký cải-lương~~
(sách viết của Trương Bá-đi số A 1146, quyển 2 từ 9C b) chép «trong đời Trần Dụ-tông (1311-1369) bên Tàu bấy giờ là nhà Nguyên có loạn Địch-bàng-Độc, là người hát chèo đem cả nhà sang nước ta. Thượng-hoàng Trần Minh-tông cho ở. Bàng-Độc khéo làm trò leo dây, người nước ta bắt chước; trò leo dây ở dưới ta bắt đầu từ đây.»

Đầu niên-hiệu Thiệu-hảo (1279-1284) đời Trần Nhân-tông, quan quân ta đánh quân nhà Nguyên, bắt được người hát chèo là Lý-nguyên-Cát. Cát khéo hát, các con hầu thấy tốt nhà con ông-bà quyền thế nước ta bấy giờ tranh nhau học tập. Nguyên-Cát đến truyền dạy, như tuồng Vương-mẫu hiển bày dân. Trong ban hát có 12 người đều mặc áo cầm-bào (cầm áo thêu, đàn trống «thần» sáo, giọng hát khi cao khi hạ thấp, bỗng lúc trầm sự buồn sự vui dần theo trong truyệt; «nữ» là «có hát» kéo bắt đầu từ đây (Khâm-định

Việt-sử chính biên, q 10, từ 15 a-b).

Tuồng ban hát có vợ Dương-Khang đánh phần đóng vai Tây Vương mẫu. Cung-túc-vương Nguyên-Dực (anh Trần Dụ-tông) thấy sà-đẹp, lấy làm vợ. Người đàn bà ấy đã có thai sẵn sinh ra Nhật-lễ. Vì trong truyện hiển bày đạo có ngày lễ (Nhật lễ) Vương-mẫu dâng đạo, nên đặt tên là Nhật-lễ. Sau vua Dụ-tông không có con gái, cho con Nguyên-Dực nối ngôi, thành ra Nhật-lễ được làm vua (1369-1370), nhưng vẫn không đổi tính nết con nhà phường chèo nên có mấy tháng các đại-thần phải đón Nghệ-tông làm vua, và giết Nhật-lễ (Khâm-định Việt-sử, q 10, từ 22 a b, Đại Việt sử-ký toàn tập, q 7 từ 29 a-b).

Cứ như thế thì nghề hát bội của ta bắt đầu có từ đời Trần Dụ-tông, (1311-1369) mà theo Tàu hết cả.

Ung học NGUYỄN VĂN TÔ

Đã có bản:

MỘT MÔI TÌNH

Của cụ Phạm Hạp Toại

Giá 3\$20

Cuốn Một môi tình của cụ Phạm Hạp-Toại, nguyên Bô-Chánh tỉnh Sơn Tây, Phủ thủ nhật là văn-trước-tác văn cụ, tài văn uyên-duyên, lưu loát, ý văn thâm thúy, thanh - cao. Phần thứ hai gần có những bài dịch như áng văn thiên thu bất-hủ, trong văn-học-sử Trung-hoa, như Quy-khử-lai-tử của Đào-thiền, Tiên-Xích-Bích-Phá của Tô-Hồng-Pha, văn văn, có in cả chữ Hán, và dịch ra thơ nôm.

Một môi tình là một cuốn văn viết-tác, rất hiếm có trong văn-học-giới thời nay.

BẦY BÔNG LÚA LÉP

Từ Hoa Mai số 10

của Nam Cao Giá 0\$50.

HƯƠNG BẠO-VƯƠNG

Từ Hoa Mai số 11

của Tiểu-Liên Giá 0\$50

Nhà xuất-bản Cộng-Lực

Nº 9, Rue Raou Hanoï

Từ hơn năm mươi năm...

(Tiếp theo trang 7)

nguyên-nhân việc vi-lai. Ngái có thể nói chuyện với đảng Thượng-đế như bạn với tôi.

Một người như thế, biết trước vận-mệnh, giữ các sức mạnh có thể, đàm-t'oại với đảng Thượng-đế chí-tôn, cố nhiên phải được dân Mông-cổ kính sợ hết mực. Nhưng điều đáng đề cho chúng ta nghĩ-ngợi là Nam-tước Ungern, một người Nga đã huy động châu Á để chống với Đức sau hiệp-ước Brest Litovsk, sau lại bỏ chương trình liên-á để phản đối chính-thể Xô-viết mới thành lập, có công lớn trong công cuộc giải-thoát nước Mông-cổ, cũng tin là có nước Agharti và tin-tưởng vào Chúa-tể Thế-giới. Hơn thế nữa, đây mới khiến chúng ta thêm kinh-ngạc, — chính Ferdinand Ossendowski(1) hình như đã được thấy cái thần-thông của Chúa-tể Thế-giới.

Bấy giờ, đầu năm 1921, thời-cục xui nên, ông đến tỉnh Narabanchi Kure, làm quen được với Jelyb Djamsrap Houtouktou. Houtouktou 2) thấy ông am-hiêu tục-lệ Mông-cổ, nhân-phẩm lại cao rất mực trọng-dãi. Một hôm, Houtouktou dẫn ông lên một căn gác, bài trí làm buồng ngủ rất lộng lẫy: đèn lồng, giường gỗ mun Tàu, cột màn chạm « lưỡng long triều nguyệt »; trên giường có đủ màn, đệm, chăn, gối. Và trong cùng căn nhà là một cái ngai đặt trên một cái bục. Cái ngai ấy đã từng

CÙNG CÁC ĐỘC GIẢ THÂN MẾN.

Trong bốn năm cố gắng, Tri-Tân đã đi được vững vàng trên đường văn hóa, một phần ủng hộ là nhờ tất cả các bạn độc giả trong năm xứ. Chúng tôi không biết lấy gì cảm tạ, lúc nào cũng chỉ xin hết sức cố gắng để đi đến bước thành công.

Song tình-hình giấy, mực ngày một khan và đắt, sự hi-sinh của chúng tôi có chừng, mong độc giả lượng xét cho tình thế mà thế tất cho. Vậy bắt đầu từ 1er Juillet 1944, chúng tôi buộc lòng phải tăng thêm giá báo theo sau đây:

1 năm	20 \$ 00
6 tháng	11 . 00
3 tháng	6 . 00
mỗi số	6 . 50

Trong lúc khó khăn này, chắc các bạn độc giả cũng chiều tình cho và vui lòng ủng hộ tờ tạp chí văn hóa đang phất vật lộn để sống.

Kính đạt
TRI-TÂN

được Chúa-tể Thế-giới ngự.
(Còn nữa)

TAM GIA

1) Ông Ferdinand Ossendowski là một nhà văn-hào, một nhà bác-học, đã sớm nổi tiếng là tay cự-phách về vấn-đề các mỏ than ở bờ Thái-bình-dương, từ eo biển Behring đến Triều-tiên, ông lại biết rất nhiều mỏ vàng ở Tây-bá-lợi (Sibérie). Vì vậy nên trong khi còn chế-độ Nga-hoàng, mào đầu vốn người Ba-lan, ông lần lượt giữ những trọng-trách duy tài học ông một đơng nổi. Ông được cử làm giáo-sư viện Bách-công ở Pétrograd dạy về khoa hóa-học kỹ-nghệ Oổ-vấn chuyên-môn trong Hải-quân Thượng hội nghị lúc trận đại-chiến trước bùng nổ. Cuộc cách-mệnh 1917 xong ông làm giáo-sư viện Bách-công tỉnh Omsk. Nhưng được lời mời của Kolchak, ông bỏ Omsk để giữ một chân trong bộ Tài-chính và Canh-nông của chính-phủ Tây-bá-lợi. Về sau chính-phủ Kolchak đổ, ông phải trốn qua các rừng vùng Jénisséi.

khuyến ông có dịp viết cuốn « Bêtes, Hommes et Dieux » (nhà Plon xuất bản một bản dịch Pháp-văn vào năm 1924), và cũng từ đây ông nức danh là « Lê-binh-sơn » (Robinson) thế-kỷ thứ hai mươi.

Về sau, ông trở về Varsovie, kinh-đô Ba-lan, làm giáo-sư trưởng võ-bị và trường Cao-đẳng Thương-mại.

Ngoài nữa khảo-cứu khoa-học, văn-nghệ của ông gồm mười tám quyển, trước-tác vừa bằng văn Nga, vừa bằng văn Ba-lan, trong ấy có những quyển: *Bêtes, Hommes et Dieux; L'homme et le Mystère en Asie, De la Présidence à la prison; l'Asie, l'Europe et Soviets.*

Không biết bây giờ ông còn hay mất.

2) Houtouktou: bậc cao nhất trong tầng-lữ Lạt-ma phật, thần giảng-thổ hay thánh.

Hộp thư

Ô. Ich Yinh — Các số báo cũ ông mua đều hết.

T. T.

BIA VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

Số 87

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

8. — Lê-Dực, người xã Bối-khê, (Đại-dinh), huyện Thanh-oai, phủ Thường-tin, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa nhâm-luất, 1502. Năm bính-tý 1516 hiệu Hồng-thuận, Lê Chiêu-tông từ Thanh-bóa, chia quân tiến đánh Trần-Cảo, sai ông làm tán-lý dinh Sơn-nam, lấy lại kinh-thành Thăng-long. Làm quan đến Lại-bộ hữu-trí lang. Có tiếng tiết-ngĩa (Đặng khoa bị khảo, quyển Sơn-nam, tờ 36 a).

9. — Đỗ-văn-Hiệu, người xã Hữu-tiên huyện Yên-sơn, phủ Quốc-cai tỉnh Sơn-tây (chép theo bia Văn-miếu). Đặng khoa bị khảo, q. Sơn-tây, tờ 37 a, chép là Đỗ-Văn, người xã Bạt-hữu. Năm 36 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến đô-cấp-sự-trung.

10. — Hoàng-tử-Nghi, người xã Công-luân, huyện Văn-giang, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc, (Đặc-ninh). Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502 (Đặng khoa bị khảo, q. Kinh-bắc, tờ 96 b).

11. — Nguyễn-văn-Hiến, người xã An-dinh (An-ninh), huyện Yên-dũng, phủ Lạng-giang, trấn Kinh-bắc. Năm 35 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến hiến-sát-sứ (Đặng khoa bị khảo, q. Kinh-bắc, tờ 73 a).

12. — Đinh-Trình, người làng Vị-khê, huyện Thanh-lan, phủ Tiên-hung, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Năm đinh-mão 1507 hiệu Đôn-khánh, đang chức Hàn-lâm kiểm-thảo, sung chức phó-sứ

sang nhà Minh tạ về việc sách phong (vua Lê Uy-mục). Năm quý-mùi 1533 hiệu Thống-nguyên (Hoàng-đế-Xuân) làm Lễ-bộ thư-ng-thư, hợp tờ chỉnh thi hương, ông làm đề-điền. Dần dần thăng tước Toanh-xuyến bá, thọ hơn 80 tuổi. Có ci.đ chép ông đỗ năm 18 tuổi (Đặng khoa bị khảo, q. Sơn-nam, tờ 95 a).

13. — Đào-như-Đỗ, người làng Triều-dong, huyện Thuợ-g-phúc, phủ Thường-tin, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến tham-chính (Đặng khoa bị khảo, q. Sơn-nam, tờ 23 b).

14. — Hoàng-Nhạc, người làng Hoàng-xá, huyện Đông-thánh, phủ Diên-châu, tỉnh Nghệ-an. Năm 25 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Trong năm đinh-mão (1507) hiệu Đôn-khánh, làm quan đến giám-sát đồ-ngự-sứ, sung chức phó-sứ sang nhà Minh về việc tuổ-cống. Làm quan đến hữu-trí lang (Đặng khoa bị khảo, q. Nghệ-an, tờ 33 a).

15. — Vũ-nghi-Hướng, người làng Đại-vi, huyện Tiên-du, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Năm 26 tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến thừa-chính-sứ. Sinh ra Vũ-Thạc, đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1541 (Đặng khoa bị khảo, q. Kinh-bắc, tờ 18 b).

16. — Bùi-Tân, người làng Kim-bảng, huyện Thiên-bản, phủ Nghĩa-hung, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến Hình-bộ hữu-trí-lang (Đặng

khoa bị khảo, q. Sơn-nam, tờ 100 b).

17. — Lê-kim-Chương người làng Thanh-bãi (Thanh-mai), huyện Tiên-phong, phủ Tam-dải, tỉnh Sơn-tây. Năm 22 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến thừa-chính-sứ. Là tổ năm-dời Lê-trí-Bình, đỗ nhĩ giáp khoa 1661 và sáu đời Lê-anh-Tuấn, đỗ tam-giáp khoa 1691 (Đặng khoa bị khảo, q. Sơn-tây, tờ 68 b 69 a).

18. — Nguyễn-thế-Mỹ, người làng Lương-khuê, huyện Tiên-lữ, phủ Khoái-châu, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến thừa-uýen-sứ (Đặng khoa bị khảo, q. Sơn-nam, tờ 69 a).

19. — Nguyễn-trọng-Hưng, người làng Đại-dong, huyện Siêu-loại, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc, đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến phủ-đoãn Phụng-thôn (Đặng khoa bị khảo q. Kinh-bắc, tờ 104 a).

20. — Bùi-doãn-Chính, người làng Thăng-trí, huyện Bình-tuyên, phủ Phú-bình, tỉnh Thái-nguyên. Năm 33 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến thừa-chính-sứ, trí-sĩ (Đặng khoa bị khảo, q. Hải-dương, tờ 99 a).

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

Tài-liệu để đính chính những bài văn cổ

Số 58

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐ

LXXXV. — Kim Vân Kiều

(bài nối)

Phường-bản của Quan-văn Đổng (tờ 45 b) và Kim Vân Kiều chú (bản sao của Trương Bắc-cổ, số A B 233, tờ 25 a) đều chép: « Xuy xui chàng mới thừa ngay, Đầu đuôi kể sự những ngày cầu-thần ». Kinh-bản của cụ Kiều-oánh-Mậu (Đoạn-trưởng Lân-thanh, tờ 37 a), Vương Kim diễn tự (bản sao của Bắc-cổ, số A B 234 tờ 12 a) và hai bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn-Vĩnh đều chép: « Đầu đuôi kể lại sự ngày cầu-thần ». Kinh-bản chưa sáng: « Chữ kể lại có bản viết là lại lẽ, không đúng ».

— Các bản nôm và bản quốc-ngữ của ông Vĩnh io lại năm 1920 (trang 97) viết là: « Nàng đã tính hết xa gần »; chỉ có bản quốc-ngữ in năm 1943 (Alexandre de Rhodes, trang 358) in là: « Nàng đã tính trước xa gần ». Câu này là lời kể lại, nên mới nghe, ai cũng cho chữ « trước » là phải, nhưng trong câu đã có chữ « đã », tức đã, thì không cần phải chữ « trước »; và dưới có chữ « xa gần », nên dùng chữ « hết » mới xuôi nghĩa.

— Phường-bản và Vương Kim diễn tự cùng bản quốc-ngữ năm 1920 đều chép: « Nghe lời nói cũng thương lời, Đẹp oai mới dạy cho bài giải vi ». Kim Vân Kiều chú (tờ 25 a) và kinh-bản (tờ 37 a) chép là: « Đẹp oai mới dạy mở bài giải-vi ». Câu này tả thái độ của phủ đượng, nghe lời tức-sinh có ý thương Kiều, thì dùng chữ « mở » phải hơn; cũng có người bảo giọng quan thì dùng chữ « cho » mới đúng; nhưng câu này có chữ « giải-vi » ở dưới, nghĩa là còn phải đàn tếp, chưa thể dùng chữ « cho » được. Từ

như thế, thì các bản nôm chỉ chứa chữ « cho » ra chữ « mở », còn chữ « bài » ở dưới theo vào văn « lời » ở trên, thì chứa không được; thế mà bản quốc-ngữ năm 1943 (tr. 359) lại chứa là « Đẹp oai mới dạy mở đường giải-vi ». Vẫn biết chữ « đường » cũng nghĩa với chữ « bài », nhưng cụ Nguyễn-Duy không bao giờ lại làm sai văn như thế.

— Một bản chữ nôm và bản quốc-ngữ năm 1920 đều viết: « Khen rằng: giá đáng Thịnh-Đường, Tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân! ». Bản quốc-ngữ in năm 1943 (tr. 361) viết là: « Khen rằng Giá lợp Thịnh-Đường » và cắt nghĩa là « trùm, hơn » (couvrir, surpasser). Kinh-bản (tờ 37 a) viết chữ « lạp »; chữ « lạp » này đọc sang chữ nôm là « lợp », hoặc « lóp » cũng được. Cụ Kiều oánh-Mậu chưa « Chữ lạp đọc theo vần chữ lạp », tức lóp nghĩa là trùm, và phê rằng: « Thế là quá khen, không phải giọng quan ». Kể ra theo tiếng Bắc-kỳ, thì chữ « đáng » nghe ~~thuận hơn~~, còn chữ lạp mà đọc ra tiếng nôm, có lẽ là một tiếng khác, riêng ở Nghệ-tĩnh, chữ không phải chữ « lợp », chữ « lóp ».

— Các bản nôm và quốc-ngữ đều viết: « Thực là tài-tử giai-nhân, Châu-Trần còn có Châu-Trần nào hơn? ». Duy kinh-bản (tờ 37 a) viết « Châu-Trần nào hơn »; chữ « lại » xem ra tự-nhiên hơn; chữ « còn » có ý cần-kỳ, nghe giọng văn hơi nặng, không bằng chữ « lại ».

Các bản nôm và quốc-ngữ đều viết: « Ngoài thì là lẽ (lý), song trong là tình ». Duy

kinh-bản (tờ 37 b) chép: « Dẫu ngoài là phép, song trong là tình »; theo thể mới phải, vì thơ của ta có lối câu tám chữ cũng đối nhau: « dẫu » đối với « song », « ngoài » đối với « trong », « phép » đối với « tình »; nên theo kinh-bản, còn các bản kia chữ « lý » đối với chữ « tình » cũng được; nhưng chữ « trong » chữ « ngoài » không đối nhau, mà chữ « song » không có chữ đối.

— Ba bản chữ nôm đều viết « Kíp truyền sấm-sửa lễ công, Kiệu hoa cất gió, đuốc hồng rưới sao ». Kinh-bản viết « Kiệu hoa chen gió, đuốc hồng diêm sao ». Quốc-ngữ viết « Kiệu hoa cất gió, đuốc hồng diêm sao ».

Tri tân, số 146, ngày 15-6-1944, đăng một bài của ông Kiêm-Tử hỏi về hai câu trong truyện Kiều, nói những « bậc lão-thành trong nước chỉ giáo cho ». Nhân tôi viết mục Đính chính văn cổ, đang khảo về văn Kiều, nên trả lời dưới này, chứ không dám nhận là lão-thành.

Câu thứ nhất « Một mình lưỡng-lự canh chầy », nên theo nghĩa chữ « lưỡng-lự » ở Việt-Nam truyền là « ngần-ngừ không quyết »: chữ này là tiếng nôm, mượn chữ Tàu: lưỡng là hai, lự là nghĩ, nên có người theo nghĩa chữ Tàu cho là suy-ngĩ và nghĩ-ngợi.

Câu thứ hai « Nước ngấm trong vạt thấy gì nữa dẫu », theo nghĩa của ông Vĩnh giải « nước ngấm » là nước tù, phải hơn, vì nếu chữ « ngấm » ấy là ngấm thơ, thì ở dưới không đặt được chữ « trong vạt ».

(Còn nữa)

Ứng-học, NGUYỄN-VĂN-TỐ

ĐẠI-NAM DẬT-SƯ

(Tiếp theo trang 5)

(q. 57, tờ 5 a) chép: Đào Uy làm thư-sử được 3 năm thì mất, nay tính ra Đào Uy 3 năm mới phải.

Cứ như thế là đến khi Đào Khanh sang (năm 319) thì đã hết cả 4 đời của con cháu Đào Hoành rồi.

Còn như việc Lương-Thạc đã đem Đào Uy, sai lại tự lập làm thư-sử, việc đó sách chép không rõ, cũng có lẽ Lương-Thạc tự lập làm thư-sử, vì dân không theo, nên phải đi đón Đào Uy. Sự thật, Ngô-Hu-Sĩ có lời phàn bình về đoạn ấy rằng: "Những chức thư-sử, thái-thủ chấp lại, từ khi thuộc Tây Hán đến mấy triều, sau đều tuyển cử cận-trong, chưa có người nào làm thư, cũng chưa có người nào truyền quyền, từ anh em Cổ-Sâm, Cổ-Thọ đến về sau đến Lương-Thạc, Đào-Uy, đều là tự-xưng tự-lập lấy, không bầm vạ triều đình Tàu."

Vậy thì những Lương-Thạc gọi là tự-xưng, chính Đào-Uy, Đào-Thục, Đào-Tuy, mấy người ấy triều đình Tàu cũng không biết đến.

Lại còn một điều nữa, theo lời chép chuyện của sử Tàu, để chép

chuyện người nào, thì chủ trọng vào người ấy, đã cố nhiều, nhưng nếu trong ấy có chuyện người khác thì chỉ chép sơ lược. Như thế, thoảng lại làm lần, thì dù Tân thư (q. 57, tờ 6 a) chép: Ngô-Ngạn ở châu Hoa mới năm, áo-uy rõ rệt, Nam châu yên ổn. Ngô-Ngạn tự dùng hiệu xin người sang thay Cung Tán-thư (q. 57, tờ 5 a) về chuyện Đào Hoành, có chép Hoành mất, Ngạn thay, rồi lại chép Ngạn mất. Cổ-Bi thấy Cung một quyền sách cũng chép một người ở trang Ba thì chép Ngạn xin người thay mà tờ 5 a lại chép Ngạn mất.

Thật là cách nhau có một trang mà còn sai nhau như thế, thì còn biết đáng nào là phải mà theo.

Ông Nguyễn-văn-Uẩn lại muốn biết từ đời Đào-Hoành (271) đến đời Đỗ-Viện (380) những ai làm thư-sử châu Giao.

Xin kể sáu này. Đào Hoành 20 năm, từ 269 đến 289 cả sách Tán sách ta đều chép, Đào-Hoành ở Nam 30 năm rồi mất, Tấn Vũ-dã cho Ngô-Ngạn sang thay, nếu tính 30 năm, thì ra đến năm 299, nhưng xét ra đời Tấn Vũ đế chỉ đến năm 289, thế thì phải tính Đào-Hoành 20 năm mới đúng

Ngô-Ngạn 30 năm từ năm 289 đến 309;

Cổ-Bi từ năm 309 đến 310! Sách chép không đưa bao lấy;

Cổ-Sâm từ năm 310 đến 311 sử chép mất liền.

Cổ-Thọ trong năm 311. Lương T. cũng năm ấy.

Đào Uy vào khoảng 312, đến 315, Đào-Tuy, Đào-Luy, từ 315 đến 318 Đào-Khân đô-đốc. Châu-Giao từ năm 318, đến năm 323 làm thư-sử không rõ đến năm nào về Tàu, đến năm 353 thấy chép thư-sử Châu-Giao là Nguyễn-Phu đánh Lâm-áp, mãi đến năm 359 lại thấy chép Đỗ-Viện làm thư-sử, còn năm 380 thì Đỗ-Viện mới làm thái-thủ Giao-chi

(Còn nữa)

Ông học NGUYỄN VĂN-TỔ

Đã có bán:

ÔNG BẢNG ĐÔN

của Tiên Đàm

Sách in đẹp: 1 \$ 20. -

Còn rất ít mua ngay kẻo hết.

Trịnh-như-Luân

121 Chancéaulmé Hanoi

Đã có bán

THƠ ĐỒ PHỦ

Một trong lục tài tử của Tàu. Bản dịch của NHƯỢNG TÔNG

Một tập thơ vĩ đại - đây 400 trang - gồm 332 bài đã cao điệu, đã đầy vẻ tư lực những bài hay nhất trong 1.405 bài của thi-sĩ, một thiên tài về thơ chẳng những của nước Tàu, của châu Á, mà là của cả thế giới của cả muôn đời.

Giá 1 \$ 50

ở Hanoi sách để bán, tại.

TÂN-VIỆT, 29, Lamblot - Hanoi

TIÊU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« Khiến nhân tống An-Tư công-chúa
vu thoát-Hoan, dục thư quốc nan dã. »
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kinh tặng hương hồn mẫu thân.

NGUYỄN HUY-TUƠNG

Số 3

Quân bản bộ thấy tôi ra rau tởm miring rở, tôi nhảy lên ngựa, diều mấy vòng quanh vườn, veng kiếm múa, nhưng tôi hơ cả mả, ngã ngựa, may Trần quý đỡ được, chứ không thì khôn. Mười hôm sau, tôi bình phục hẳn. Thì ra trong lúc tôi nằm bệnh mảu thân đã lo liệu hết cả quân nhu, khí-giới thấy đều xung túc, lại tuyển thêm quân, lòng mẹ lo cho con thực là chơn đáo...

— Mảu thân thực là thêm có. Hiện nay vương có bao nhiêu quân bản bộ?

— Hai nghìn. Tôi sốt càng là thê mà khi mảu thân đại tặc hiền hành, tôi không sao cầm được giọt lệ. Mẹ thì già, em trẻ dại.

Tôi lấy mảu thân rồi, thấy các em đồn chào lạy, tôi quyến luyến không nỡ rời tay. Có người gia nhân trung nghĩa là Trần-Quý, trước đã từng theo hầu phụ vương đi trận mạc, nay mảu thân cũng cho đi theo tôi, tôi từ chối thế nào cũng không được. Mảu thân trao thanh bảo kiếm của phụ vương cho tôi và nói: « Con ở cửa tướng, nên nghĩ sao cho không bỏ tiếng cha con ». Tôi tiếp nhận chưa kịp nói thì mảu thân tiếp ngay: « Mẹ thanh bạch, chẳng có gì cho con,

chỉ có một vật món này còn cầm lấy ». Người ban cho tôi chiếc túi này.

Chàng lấy trong bọc ra một túi gấm, mở túi rút ra một vuông lụa bạch, trên chỉ có thêu độc một chữ « Thắng » bằng chỉ vàng. An Tư lớn mắt vì ngạc nhiên. Nàng đồ là một bức thêu đẹp, vì mẹ vương có tiếng là giỏi về nghệ này, Nàng không ngờ bà lại có ý tưởng làm một bức thêu xuất ư ý ngoại ấy, kết tinh chí quyết thắng và lòng hi vọng mệnh-mạng. Nàng nói:

— Tôi không ngờ! Mảu thân là một bậc đại trí, đại hiền.

— Khi trao cho tôi chiếc túi, người dạy: « Con đi nhé, mau diệt tan quân cường-khẩu, tấu khúc khai hoàn. Cổ sao lập nên sự nghiệp, mẹ được thơm lây, ấy là báo hiếu. Con đi đi! » Tôi dùng dằng mãi mới lên đường, nhờ được mảu thân dạy dỗ, nên lúc nào tôi cũng tin chiến thắng. Đoàn quân Tinh-cương của tôi cũng thế, và suốt vùng ai ai cũng cùng chung một ý nghĩ. Vì suốt từ ngày quân giặc sang xâm, thấy ai chán nản là mảu thân khích lệ, ai ngại ngờ Quốc-công thì người giải hết nỗi nghi ngờ. Đi đâu người cũng nêu

một tấm gương nhiệt thành, sáng suốt, hi sinh, và tin tưởng.

— Vương thực có phúc, được mẹ hiền. Tôi bỏ cõi mẹ thực thiệt thòi nhiều.

— Tôi lúc nào cũng phảng phất hình dung mảu thân và dinh ninh nhời dặn lúc nào cũng nghĩ đến việc tận tâm báo quốc, khinh tính mệnh như lông bông, mong không hổ tiếng mẹ không giảm thanh danh cha. Huống chi tôi mang cờ « Tinh-cương » đeo chiếc bảo kiếm này, thực không lúc nào dám chệnh mảng và ngã chí.

Chàng trở thanh kiếm trên - kỹ. An-Tư hỏi:

— Phải chăng đó là thanh kiếm của Hoàng thúc?

— Vâng, đây là kiếm của phụ-vương, lưỡi sắc như nước. Kiếm này đã giúp phụ-vương phá quân Mông-cổ ở bên đông Bộ đầu khi xưa.

Chàng rút kiếm ra, lưỡi thép loáng như gương, lạnh buốt như băng giá. An-Tư và chàng tưởng tượng như trong bóng hào quang rầm rộ chảy đạo quân chiến thắng của vua Thái-Tôn thần-vũ. Một phút yên lặng, họ cùng say sưa với dĩ-vãng oai hùng. Chàng trao kiếm vào vỏ.

Giỏ ngoài áo áo thời như cỏ, thiên binh vạn mã. Chàng chợt nhìn công-chúa và nói:

— Có lẽ tôi phải đi. Gần sáng rồi. Công-chúa thức khuya, có hại cho ngọc thể.

— Không ngại gì. Xin vương hãy ở lại, mới vừa điểm trống canh ba. Tôi muốn tặng vương một vật món.

Nàng định lấy bức thêu chàng tráng sĩ, thì có tiếng giầy dép bên ngoài, và thấy tiếng gọi nàng léo xéo. Nàng tái mặt nhìn vương rồi

đặt vương sang buồng bên và nói,

— Vương hãy tạm ở đây. Các
chị em đến chơi...

Vương chưa kịp nói gì, thì nàng đã ra mở cửa. Những phi tần, công chúa, già cô trẻ cô, vào buồng nàng hỏi thăm tin tức về tình hình quân sự. Trong suốt tám-cung lục-viện nàng là người biết nhiều tin quan-trọng nhất, lại là người thông minh và hiểu rõ thời-cục nhất. Và lại nàng là người nhiệt thành, không lúc nào ngả chỉ, nên thường thường phải trong-cầm hay hỏi ý kiến nàng. Nhất là để tìm chút an ủi, có khi khuya nữa, thấy cửa buồng An-Tư còn có ánh đèn là họ kéo vào hỏi chuyện.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TUỞNG

SÁCH MỚI

1— Làm bếp giỏi của bà Vân Đài. — Nhà xuất bản Phụ nữ vừa cho ra cuốn sách đầu tiên này dày 296 trang, giá 6\$50.

Sách có nhiều mục dạy cách nấu, ăn từ các món thường dùng tới các cao lương mỹ vị. Cuối sách có các bản thực đơn và bản kê những tiếng nam và tiếng bắc khác nhau.

Tôi công nhận rằng bà đã
tồn công phu nghiên cứu
mới viết nên cuốn sách ấy
có ích cho hết thảy các gia
đình trong nước.

Đối với các chị em tân học mà nhiều người khó tính vẫn chê là xao nhãng của việc bếp núc, cuốn « *Làm bếp giỏi* » của Bà Văn Đài sẽ là « người bạn thân » để dìu dắt các chị

nên những trang nội trợ
khéo-léo.

Cuốn sách hữu dụng đó can hệ mật thiết đến việc quản trị gia đình. Vì thế, các bạn gái đương thời nên đặc biệt chú ý còn hơn các chị say đắm đọc các tiểu thuyết mơ mộng viễn vông.

Xin vui lòng giới thiệu cuốn
đỏ với các độc giả thân yêu
và cảm ơn tác giả đã có nhữ
ng ý cho sách.

CĐ MAI HƯƠNG

II — Mẹ tôi, tập truyện ngắn của Nguyễn Khắc Mẫn, một nhà tiểu thuyết có tiếng, do Đại học-thư xã xuất bản.

Xin cảm tạ nhà tặng sách
và giới thiệu với độc giả cuốn
sách đang đọc này.

T. T.

Thur-xã Alexandre de Rhodes

Mới xuất-bản một giai-phẩm về mỹ-thuật

CROQUIS TONKINOIS

của Họa-sĩ MẠNH-QUỲNH

là một tập tranh vẽ thủy-mặc về phong-cảnh, đời sống ở thôn-quê xứ Bắc.

Tập này khổ 26×32, có 20 bức in lên thi giấy nhong. Tháng-Long cho riêng tại hãng Nguyễn quý Kỳ (làng Bưởi), in in màu, rõ ràng, đẹp trong kiểu ba hộp rất mỹ-thuật, do họa-sĩ tự khắc gỗ in tay, rất công-phụ.

In có hạn 300 tập, giá mỗi tập là 40\$ 00-
ước 21.90

Gửi giấy mua và mandat lời địa-chủ bản-hội, 6 đường P. Pasquier giấy nói số 628 (Hanoi).

«Cố gửi bản và bán tại G. M. R. Taupin và IDEO, Hanoi.»

Ai cũng ham đọc

LUAN-LY

DỰ-THUYẾT

YẾU-THUẬT

Giá 3 \$ 80

TÂN HIỆU KINH Giá 1\$20

(có nguyên văn chữ Hán)



TRONG TỦ SÁCH HỌC THUẬT

QUỐC-HỌC

Thư đề cho : M. LÊ VĂN HOÈ

16 bis Rue Tientsin Hanoi

25 Juillet 1944 số bán

VĂN MINH SỬTrưng bày « Nhân Loại tiến hóa sử »
của**NGUYỄN BACH KHOA**

- Nhìn suốt con đường tiến hóa của văn minh loài người từ thời thái cổ đến hiện tại.
- Đồ tìm cơ-cấu thành hình của các yếu tố văn minh như hình thức, chính trị, tư tưởng, nghệ thuật.
- Khám phá mối quan hệ giữa văn minh đông phương và văn minh tây phương.



Tủ sách « TÂN VĂN HÓA »
HÀN THUYỀN PHÁT HÀNH
71 Tiền Tsin Hanoi

Mỗi xuất bản

TRUNG-QUỐC**SỬ LƯỢC**của **PHAN KHOANG**

Một bộ sách kê-cứu rõ-ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy, trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-thất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quý của hết thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại :

Loại thường bán 6\$50 cước 0\$47

Loại đặc-biệt 15\$60 cước 0\$80

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho :

Nhà in **MAI-LINH** Hanoiđã có bán :**QUẢNG VẠN THÀNH** phát hành**LÒNG VÀNG**Ed de Amicis đại văn hào nước Ý soạn
Hải-Hạc dịch

Một quyển giáo-khoa đào luyện tình thần ái quốc. Các giáo-sư, các phụ huynh và các học sinh đều nên đọc để rõ biết cách giáo-dục bằng tình cảm, và rèn luyện tâm-tư trí-khí cho trẻ em.

Giá 4\$00

Ở xa, xin gửi thêm 0p.60 cước bảo đảm.

đang in :**ĐỜI ĐOÀN THỂ**

Hải-Tùng soạn

Một thên « THỜI BỆNH LUẬN » rất đáng nên đọc

Giá 2\$00

Vì nào gửi tiền đặt mua trước ngày 15 Juillet 1944, xin trừ 20%. cước phí không phải chịu, vì nào muốn biết nội-dung sách, xin cho biết địa chỉ.

Thư từ liên lạc xin gửi :

ô. Nguyễn Văn Minh

Hiệu Quảng Vạn Thành - Hanoi, 16 phố Lê Lợi

Haiphong, 51 - Dumeret Hải-Đường Kinh môn phố Văn Lũn

REVUE TRI-TÂN: -Autorisée par arrêté du 8 Février 1944 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Trung-Phước

Impr. Tri-Tân 95-97 Chancéaume, Hanoi